BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC
*
Số 62 -BCHN/CQTTBCĐ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
Về tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

(Tổng hợp, đối chiếu thông tin đến 16h00 ngày 22/10/2025)

Kính gửi:
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,
- Đảng uỷ các cơ quan đảng Trung ương,
- Đảng uỷ Quốc hội,
- Đảng uỷ Chính phủ,
- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương,
- Các cơ quan đảng ở Trung ương,
- Quân uỷ Trung ương,
- Đảng uỷ Công an Trung ương,
- Các đồng chí Bí thư đảng ủy, Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao,
- Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Các đồng chí Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) đã chỉ đạo Trung tâm Chỉ huy Giám sát, điều hành (sau đây gọi tắt là TTCH) theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

Trên cơ sở báo cáo do các bộ, cơ quan, địa phương cập nhật lên hệ thống, Cơ quan Thường trực báo cáo kết quả triển khai trong ngày 22/10/2025 như sau:

I. TỔNG QUAN TIẾN ĐỘ

Bản đồ nhiệt giám sát của TTCH dựa trên dữ liệu các địa phương báo cáo trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (tại địa chỉ: https://nq57.vn) tính đến 16h00 ngày 22/10/2025: **34/34 tỉnh, thành phố đạt trạng thái XANH** so với tiến độ các công việc phải hoàn thành trước 01/11/2025; (Phụ lục 1 và minh họa cụ thể trong slide kèm theo Báo cáo).

1. Điểm tích cực

- Đã có **34/34** tỉnh, thành phố đạt trạng thái **XANH**.

- Không có tỉnh, thành phố nào ở trạng thái **ĐỎ**.

- Thông tin hiện trạng tại **3.321** xã, phường có báo cáo của **34/34** tỉnh, thành phố nhìn chung đã tốt hơn ngày 25/7/2025, có **31** tỉnh thành phố phủ **XANH** hơn **50%** số xã, phường; có **29** tỉnh, thành phố phủ **XANH** hơn **70%** số xã, phường. Đặc biệt **26** tỉnh, thành phố: Vĩnh Long, Tây Ninh, Tuyên Quang, Thành phố Huế, Thanh Hóa, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hà Nội, Đắk Lắk, An Giang, Quảng Trị, Đồng Nai, Phú Thọ, Ninh Bình, Nghệ An, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Gia Lai, Cà Mau, Bắc Ninh, Sơn La, Quảng Ninh phủ **XANH 100%** số xã, phường (Phụ lục 4).

2. Điểm yếu cần tháo gỡ

- Tình hình phủ **XANH** các xã, phường, đảm bảo các điều kiện cơ bản để vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công còn chậm (Phụ lục 5). Nhiều vướng mắc được báo cáo liên quan đến hệ thống phần mềm, hệ thống dịch vụ công, kết nối, cơ sở dữ liệu, chữ ký số, con dấu, thiếu quy trình (Phụ lục 6).

- Một số tỉnh, thành phố có cơ sở hạ tầng tốt nhưng lại có tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu: Phần mềm không đồng bộ, thiếu ổn định, gây khó khăn khi nộp hồ sơ trực tuyến nhưng đến hôm nay tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ tại thành phố Hà Nội trong ngày 21/10/2025, tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đã đạt **99,45%** so với tổng số hồ sơ, số hồ sơ đã trả đạt **38,54%** so với tổng số hồ sơ cùng ngày (Phụ lục 8, bảng I).

- Vẫn còn **07** nhiệm vụ đã thực hiện quá hạn chưa hoàn thành (Phụ lục 2).

3. Điểm khác so với ngày 21/10/2025

a) Tiến độ hoàn thành nhiệm vụ ở cấp xã tăng chậm (**0,15%**) so với ngày 21/10/2025. Có thêm 01 tỉnh (Vĩnh Long) hoàn thành nhiệm vụ cấp xã.

b) Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được triển khai theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của 04 khối cơ quan ở cấp tỉnh, thành phố (Tỉnh ủy/Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, thành phố) và 04 khối cơ quan ở cấp xã, phường (Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường), theo đó:

- Đối với Đảng ủy cấp xã: **23/34** tỉnh, thành phố có tỉ lệ số xã, phường triển khai sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức đạt dưới 50%; **27/34** tỉnh, thành phố có tỉ lệ số xã, phường đã thực hiện việc phổ biến thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt dưới 50% (Phụ lục 9).

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: **20/34** tỉnh, thành phố tổ chức chất vấn và thảo luận; ban hành, thực thi quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc; **17/34** tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản giám sát; tổ chức giám sát chuyên đề về chuyển đổi số; phối hợp kiểm tra với các đoàn kiểm tra cấp trên về chuyển đổi số đều đạt dưới 50% (Phụ lục 10).

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Ở **20/34** tỉnh, thành phố, tỉ lệ số xã, phường đã xây dựng kịch bản, phương án hỗ trợ người dân yếu thế; và **18/34** tỉnh, thành phố đã ban hành các quy định về vận hành bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số đều dưới 50% (Phụ lục 11).

- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã: Có **10/34** tỉnh, thành phố có tỉ lệ số xã, phường đã cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu đạt dưới 50%; đồng thời **17/34** tỉnh, thành phố có tỷ lệ số xã, phường đã ban hành và thực thi quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc đạt dưới 50% (Phụ lục 12).

4. Khuyến nghị cảnh báo

- Cần có cơ chế giám sát độc lập kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ.

- Đến nay vẫn chưa hoàn thành một số nhiệm vụ trong tháng 7/2025 liên quan đến hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu (Phụ lục 3), đề nghị Nhóm công tác số 2 và số 3 (Quyết định số 32-QĐ/TGV, ngày 24/6/2025 về thành lập các Nhóm công tác hỗ trợ triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW) chủ trì, đôn đốc các đơn vị thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Kế hoạch (bao gồm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW nói chung và các nhiệm vụ việc liên quan đến các cơ sở dữ liệu trọng yếu nói riêng).

- Các Bộ, ban ngành, địa phương cần khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ đang thực hiện quá hạn và báo cáo lên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Phụ lục 2).

- Các điều kiện vận hành hiệu quả các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường như: Chữ ký số, chứng thư số, nhân sự tham gia hỗ trợ, sử dụng lại dữ liệu đã số hóa, phần mềm dịch vụ công, phần mềm hộ tịch, … cần tiếp tục được quan tâm, rà soát, đầu tư đầy đủ và có giải pháp đôn đốc, triển khai quyết liệt, đồng bộ hơn nữa và báo cáo lên hệ thống (Phụ lục 5).

II. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

TT	Nhóm nhiệm vụ	Số nhiệm vụ	Đơn vị chưa hoàn thành	Phụ lục
1	Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý	05	Bộ Công An, Văn phòng Trung ương Đảng, Các Bộ, ngành.	Phụ lục 2
2	Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu	02	Bộ Công an.	Phụ lục 2

III. PHÂN TÍCH, PHÁT HIỆN VẤN ĐỀ

1. Tính từ ngày 01/7/2025, một số tỉnh, thành phố có tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến **thấp** (như Cao Bằng khoảng **50,67%,** thấp nhất trong tất cả **34** tỉnh, thành phố) trong khi đó nhiều tỉnh thành phố khác có tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên **90%** (Phụ lục 8, mục III về tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ ghi nhận trên Cổng DVC quốc gia từ ngày 01/7/2025 – 21/10/2025). Việc này khiến hạ tầng và cơ sở vật chất được đầu tư tốt không phát huy hiệu quả. Đề nghị các địa phương có tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến thấp và các đơn vị liên quan rà soát, tìm nguyên nhân tháo gỡ để nâng cao tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Trên toàn quốc hiện mới có **3.034/3.321** xã, phường (tương đương **91,36%**) đáp ứng được hết một số điều kiện cơ bản nhất theo bảng khảo sát để vận hành hiệu

quả Trung tâm Phục vụ hành chính công (ngày 21/10/2025 có **3.029** xã, phường đáp ứng chiếm **91,21%**). Các điều kiện thiết yếu để xử lý thủ tục hành chính trên môi trường số chưa được toàn bộ các xã, phường báo cáo hoàn thành như: **Chữ ký số mật** (Cao Bằng, Lâm Đồng, Thái Nguyên), **chứng thư số công vụ** (Cao Bằng), **nhân sự tham gia hỗ trợ tại bộ phận một cửa** (**98,89%** xã, phường có đủ nhân sự). Việc này, cần được các địa phương nghiêm túc rà soát, đẩy nhanh tiến độ để bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả triển khai trên toàn quốc.

Đề nghị các tỉnh, thành phố khẩn trương rà soát kết quả thực hiện nhiệm vụ: "Bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị, phân công lãnh đạo, bố trí nhân lực và bảo đảm hệ thống hạ tầng mạng đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP". Đồng thời, tổ chức kiểm tra thực địa, đôn đốc, hỗ trợ các xã, phường hoàn thiện điều kiện cần thiết để bảo đảm Trung tâm Phục vụ hành chính công tại cơ sở sẵn sàng vận hành hiệu quả. Kết quả thực hiện đề nghị được cập nhật đầy đủ lên hệ thống để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Ban Chỉ đạo.

3. Phân tích các vướng mắc, khó khăn từ cấp xã, phường báo cáo lên hệ thống, nhiều vướng mắc liên quan đến ***hệ thống phần mềm (dịch vụ công và hộ tịch) chưa ổn định và đồng bộ, chưa liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, thiếu chữ ký số và trang bị máy móc, quy trình chưa hoàn thiện*** (Phụ lục 6). Đề nghị các Nhóm công tác được phân công tại Quyết định số 32-QĐ/TGV khẩn trương đôn đốc, hỗ trợ các địa phương xử lý các vướng mắc này.

4. Phân tích mức độ hoàn thành của 4 hệ thống Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tại cấp xã, phường (Phụ lục 9 đến Phụ lục 12), cần khẩn trương thực hiện:

- Đối với Đảng ủy cấp xã: Triển khai "Sổ tay đảng viên điện tử"; thực hiện thủ tục thu nộp đảng phí trực tuyến; tổ chức lấy ý kiến chi bộ nơi cư trú; ban hành và thực hiện nghiêm quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc của tổ chức đảng, đảng viên.

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: Ban hành văn bản giám sát về chuyển đổi số; tổ chức chất vấn, thảo luận chuyên đề về kết quả chuyển đổi số; phê duyệt ngân sách cho các hoạt động chuyển đổi số; ban hành và công khai danh sách, tiểu sử đại biểu trên nền tảng số.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức trên phần mềm quản lý nhân sự; chủ động tham mưu bố trí nguồn kinh phí cho các hoạt động chuyển đổi số; ban hành và triển khai quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo tiêu chí định lượng, gắn với cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ số; ban hành kịch bản phương án hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý các tình huống thường gặp.

- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã: Thực hiện cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát và phản biện xã hội; tổng hợp, phản ánh kịp thời ý kiến của nhân dân; vận động nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số; triển khai mô hình "Dân vận số" phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

5. Từ tháng 7/2025 đến tháng 10/2025, các đơn vị được giao nhiệm vụ **thường xuyên** (Phụ lục 7) cần tập trung triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đặc

biệt là các nhiệm vụ liên quan đến vận hành Dịch vụ công trực tuyến, xây dựng Cơ sở dữ liệu trọng yếu, phục vụ cho việc khai thác, sử dụng theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo. Đề nghị các đơn vị được phân công nhiệm vụ nghiêm túc tổ chức triển khai, thường xuyên cập nhật và **báo cáo** tiến độ thực hiện lên hệ thống, bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung của Ban Chỉ đạo một cách kịp thời, hiệu quả.

Kính trình các Đồng chí xem xét, chỉ đạo[1]./.

Nơi nhận:
- Như trên,
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Chính phủ,
- Văn phòng Quốc hội,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo,
- Vụ địa phương I, II,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG
kiêm
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VĂN PHÒNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Võ Thành Hưng

[1] Báo cáo này không đăng tải trên báo, đài và các mạng xã hội.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số -BCHN/CQTTBCĐ ngày /10/2025 của Cơ quan Thường trực)

Phụ lục 1
Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn 2

STT	Tỉnh / Thành phố	Tiến độ nhiệm vụ	Ghi chú
1	TP. Hồ Chí Minh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
2	TP. Hà Nội	19/19	SẴN SÀNG (XANH)
3	TP. Huế	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
4	TP. Đà Nẵng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
5	TP. Cần Thơ	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
6	TP. Hải Phòng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
7	Lai Châu	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
8	Điện Biên	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
9	Sơn La	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
10	Quảng Ninh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
11	Thanh Hoá	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
12	Hà Tĩnh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
13	Cao Bằng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
14	Tuyên Quang	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
15	Thái Nguyên	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
16	Phú Thọ	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
17	Ninh Bình	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
18	Quảng Ngãi	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
19	Gia Lai	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
20	Lâm Đồng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
21	Tây Ninh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
22	Vĩnh Long	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
23	Đồng Tháp	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
24	Cà Mau	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
25	An Giang	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
26	Lào Cai	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
27	Đồng Nai	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
28	Quảng Trị	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
29	Đắk Lắk	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
30	Lạng Sơn	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
31	Hưng Yên	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
32	Nghệ An	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
33	Bắc Ninh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
34	Khánh Hòa	17/17	SẴN SÀNG (XANH)

Phụ lục 2
Các nhiệm vụ chưa hoàn thành đã quá hạn

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chưa hoàn thành
I.1. Nhóm - Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý (5 nhiệm vụ)		
1	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy định về giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng.	Văn phòng Trung ương Đảng
2	(1) Rà soát, nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; (2) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Công an và các bộ ngành trong xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và huy động các nguồn lực; (3) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu, Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.	Bộ Công an
3	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ	Văn phòng Trung ương Đảng
4	Xây dựng và trình Ban Bí thư ban hành Quy định chia sẻ thông tin dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan trong hệ thống chính trị	Văn phòng Trung ương Đảng
5	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử; ký số văn bản tố tụng và thực hiện một số thủ tục tố tụng điện tử.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ
I.2. Nhóm - Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu (2 nhiệm vụ)		
6	Xây dựng kế hoạch và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu tư pháp với CSDL tổng hợp quốc gia;	Bộ Công an
7	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án triển khai và lộ trình tích hợp các hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, giao thông công cộng về các Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh (IOC) và kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Bộ Công an

Phụ lục 3
Các nhiệm vụ cần hoàn thành đến 01/11/2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị thực hiện
I.1. Nhóm I - Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý (5 nhiệm vụ)			
1	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy định về giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng.	30/7/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
2	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ	30/6/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
3	Xây dựng và trình Ban Bí thư ban hành Quy định chia sẻ thông tin dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan trong hệ thống chính trị	30/7/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
4	(1) Rà soát, nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; (2) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Công an và các bộ ngành trong xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và huy động các nguồn lực; (3) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu, Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.	31/8/2025	Bộ Công An
5	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử; ký số văn bản tố tụng và thực hiện một số thủ tục tố tụng điện tử.	30/9/2025	Các Bộ, ngành
I.2. Nhóm II - Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu (2 nhiệm vụ)			
6	Xây dựng kế hoạch và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu tư pháp với CSDL tổng hợp quốc gia.	30/9/2025	Bộ Công an
7	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án triển khai và lộ trình tích hợp các hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, giao thông công cộng về các Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh (IOC) và kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	31/7/2025	Bộ Công an
I.3. Nhóm V - Phát triển nguồn lực (nhân lực và tài chính) (2 nhiệm vụ)			

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị thực hiện
8	Chủ trì, phối hợp: (1) Hoàn thiện các dịch vụ công trực tuyến về đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án; gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án bằng phương tiện điện tử; thu, nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia;	30/10/2025	Tòa án nhân dân tối cao
9	Chủ trì, phối hợp hoàn thiện triển khai việc tống đạt văn bản tố tụng thông qua ứng dụng số quốc gia VNeID.	30/10/2025	Tòa án nhân dân tối cao
I.4. Nhóm VI - Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật (2 nhiệm vụ)			
10	Nghiên cứu, đánh giá toàn diện sự cần thiết của việc sửa đổi Luật Cơ yếu.	30/9/2025	Ban Cơ yếu Chính phủ
11	Đánh giá toàn diện về sự an toàn của các thuật toán mã hoá Cơ yếu đang sử dụng trước sự phát triển của máy tính lượng tử.	31/8/2025	Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ)

Phụ lục 4
Tình hình phủ XANH các xã trong 34 tỉnh, thành phố

STT	Tỉnh/thành phố	Số xã	XANH	VÀNG	ĐỎ	Đã báo cáo	Đã báo cáo (%)	XANH (%)	TĂNG/ GIẢM (%)
1	Cao Bằng	56	7	34	15	56	100%	12,50%	0%
2	Điện Biên	45	16	22	7	45	100%	35,56%	2,23%
3	TP. Cần Thơ	103	45	58	0	103	100%	43,69%	0,97%
4	Đồng Tháp	102	54	48	0	102	100%	52,94%	0%
5	Lâm Đồng	124	73	48	3	124	100%	58,87%	0%
6	Thái Nguyên	92	67	25	0	92	100%	72,83%	0%
7	Quảng Ngãi	96	73	23	0	96	100%	76,04%	1,04%
8	Khánh Hòa	65	61	4	0	65	100%	93,85%	0%
9	Vĩnh Long	124	124	0	0	124	100%	100%	0,81%
10	Tây Ninh	96	96	0	0	96	100%	100%	0%
11	Tuyên Quang	124	124	0	0	124	100%	100%	0%
12	TP. Huế	40	40	0	0	40	100%	100%	0%
13	Thanh Hóa	166	166	0	0	166	100%	100%	0%
14	TP. Đà Nẵng	94	94	0	0	94	100%	100%	0%
15	TP. Hồ Chí Minh	168	168	0	0	168	100%	100%	0%
16	TP. Hải Phòng	114	114	0	0	114	100%	100%	0%
17	TP. Hà Nội	126	126	0	0	126	100%	100%	0%
18	Đắk Lắk	102	102	0	0	102	100%	100%	0%
19	An Giang	102	102	0	0	102	100%	100%	0%
20	Quảng Trị	78	78	0	0	78	100%	100%	0%
21	Đồng Nai	95	95	0	0	95	100%	100%	0%
22	Phú Thọ	148	148	0	0	148	100%	100%	0%
23	Ninh Bình	129	129	0	0	129	100%	100%	0%
24	Nghệ An	130	130	0	0	130	100%	100%	0%
25	Lạng Sơn	65	65	0	0	65	100%	100%	0%
26	Lào Cai	99	99	0	0	99	100%	100%	0%
27	Lai Châu	38	38	0	0	38	100%	100%	0%
28	Hưng Yên	104	104	0	0	104	100%	100%	0%
29	Hà Tĩnh	69	69	0	0	69	100%	100%	0%
30	Gia Lai	135	135	0	0	135	100%	100%	0%
31	Cà Mau	64	64	0	0	64	100%	100%	0%
32	Bắc Ninh	99	99	0	0	99	100%	100%	0%
33	Sơn La	75	75	0	0	75	100%	100%	0%
34	Quảng Ninh	54	54	0	0	54	100%	100%	0%

Phụ lục 5
Thông tin hiện trạng tại 3.319 xã, phường của 34/34 tỉnh đã báo cáo lên hệ thống

STT	Tỉnh/thành phố	Tổng số xã	% xã đã phổ biến văn bản liên quan TTHC	% xã đã công bố bộ TTHC	% xã đã niêm yết quy trình thực hiện TTHC sau sát nhập	% xã đã có hệ thống mạng thông suốt	% xã đã có máy lấy số xếp hàng tự động	% xã đã trang bị màn hình hiển thị số thứ tự	% xã đã trang bị bộ thiết bị hỗ trợ số hóa giấy tờ	% xã đã trang bị thiết bị tra cứu TTHC	% xã đã trang bị đủ máy tính cho cán bộ công chức	% xã đã trang bị đủ thiết bị khác (máy phôtô, …)	% xã đã sử dụng lại dữ liệu người dùng đã số hóa	% xã đã trang bị thiết bị an toàn	% xã đã được trang bị CKS mật	% xã đã được trang bị CKS công vụ	% xã đã có đủ nhân sự hỗ trợ tại TT HCC	% xã đã triển khai HT họp trực tuyến từ TW đến cấp xã
1	An Giang	102	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
2	Bắc Ninh	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
3	Cà Mau	64	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
4	TP. Cần Thơ	103	100	100	96,12	100	64,08	65,05	100	82,52	95,15	77,67	96,12	100	100	100	92,23	100
5	Cao Bằng	56	100	100	98,21	100	12,50	17,86	92,86	60,71	92,86	71,43	87,50	73,21	92,86	96,43	73,21	100
6	TP. Đà Nẵng	94	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
7	Đắk Lắk	102	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
8	Điện Biên	45	97,78	100	100	100	46,67	44,44	88,89	73,33	93,33	86,67	86,67	91,11	100	100	82,22	100
9	Đồng Nai	95	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
10	Đồng Tháp	102	100	100	100	100	60,78	58,82	100	99,02	100	100	100	100	100	100	100	100
11	Gia Lai	135	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
12	TP. Hà Nội	126	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
13	Hà Tĩnh	69	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
14	TP. Hải Phòng	114	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
15	TP. Hồ Chí Minh	168	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
16	TP. Huế	40	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
17	Hưng Yên	104	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
18	Khánh Hòa	65	100	100	100	100	95,38	93,85	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

STT	Tỉnh/thành phố	Tổng số xã	% xã đã phổ biến văn bản liên quan TTHC	% xã đã công bố bộ TTHC	% xã đã niêm yết quy trình thực hiện TTHC sau sát nhập	% xã đã có hệ thống mạng thông suốt	% xã đã có máy lấy số xếp hàng tự động	% xã đã trang bị màn hình hiển thị số thứ tự	% xã đã trang bị bộ thiết bị hỗ trợ số hóa giấy tờ	% xã đã trang bị thiết bị tra cứu TTHC	% xã đã trang bị đủ máy tính cho cán bộ công chức	% xã đã trang bị đủ thiết bị khác (máy phôtô, …)	% xã đã sử dụng lại dữ liệu người dùng đã số hóa	% xã đã trang bị thiết bị an toàn	% xã đã được trang bị CKS mật	% xã đã được trang bị CKS công vụ	% xã đã có đủ nhân sự hỗ trợ tại TT HCC	% xã đã triển khai HT họp trực tuyến từ TW đến cấp xã
19	Lai Châu	38	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
20	Lâm Đồng	124	100	100	100	100	78,23	70,16	96,77	87,90	95,97	88,71	96,77	94,35	98,39	100	95,16	100
21	Lạng Sơn	65	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
22	Lào Cai	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
23	Nghệ An	130	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
24	Ninh Bình	129	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
25	Phú Thọ	148	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
26	Quảng Ngãi	96	100	100	100	100	91,67	90,62	100	97,92	98,96	87,50	96,88	100	100	100	100	100
27	Quảng Ninh	54	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
28	Quảng Trị	78	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
29	Sơn La	75	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
30	Tây Ninh	96	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
31	Thái Nguyên	92	100	100	100	100	82,61	78,26	100	95,65	100	92,39	97,83	96,74	98,91	100	100	100
32	Thanh Hóa	166	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
33	Tuyên Quang	124	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
34	Vĩnh Long	124	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100

Phụ lục 6
Các vướng mắc chính trong ngày 22/10/2025

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Hệ thống phần mềm hộ tịch chưa cập nhật đầy đủ	5/102 (4,9%)
		Hệ thống đường truyền chậm và không ổn định	4/102 (3,9%)
		Thiếu công chức và hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến	3/102 (2,9%)
2	Bắc Ninh	Hệ thống dịch vụ công chậm và không ổn định	6/99 (6,1%)
		Phần mềm hộ tịch gặp lỗi và dữ liệu không đầy đủ	5/99 (5,1%)
		Hệ thống kết nối chậm và không ổn định	4/99 (4,0%)
3	Cà Mau	Thiếu thiết bị máy móc	5/64 (7,8%)
		Máy móc hư hỏng	3/64 (4,7%)
		Máy bắt số và đánh giá mức độ hài lòng bị lỗi	1/64 (1,6%)
4	TP. Cần Thơ	Phần mềm Một cửa điện tử và phần mềm hộ tịch thường bị lỗi	5/103 (4,9%)
		Hệ thống một cửa chưa ổn định, thường xuyên gặp lỗi	5/103 (4,9%)
		Cổng dịch vụ công quá tải, chậm	4/103 (3,9%)
5	Cao Bằng	Thiếu trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	6/56 (10,7%)
		Hạn chế về trình độ công nghệ thông tin của người dân	4/56 (7,1%)
		Khó khăn trong tiếp cận dịch vụ hành chính tại các xóm xa	1/56 (1,8%)
6	TP. Đà Nẵng	Phần mềm Một cửa điện tử thường xuyên lỗi, chạy chậm	9/94 (9,6%)
		Chưa phân quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu Quốc gia	6/94 (6,4%)
		Hệ thống chính quyền điện tử chạy chậm, lỗi	5/94 (5,3%)
7	Đắk Lắk	Phần mềm dịch vụ công thường xuyên bị lỗi	10/102 (9,8%)
		Thiếu thiết bị máy móc và cơ sở vật chất	9/102 (8,8%)
		Quá trình xử lý hồ sơ TTHC chậm	7/102 (6,9%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Thiếu thiết bị máy móc	8/45 (17,8%)
		Phần mềm thường xuyên bị lỗi	7/45 (15,6%)
		Khó khăn trong việc xử lý hồ sơ cho người dân	5/45 (11,1%)
9	Đồng Nai	Hệ thống dịch vụ công chậm và quá tải	6/95 (6,3%)
		Cơ sở hạ tầng và thiết bị thiếu	5/95 (5,3%)
		Lỗi đăng nhập và kết nối hệ thống	5/95 (5,3%)
10	Đồng Tháp	Hệ thống dịch vụ công chưa phân quyền cho từng cán bộ, công chức	1/102 (1,0%)
		Hồ sơ đất đai gặp khó khăn trong quy trình	3/102 (2,9%)
		Đường truyền Internet không ổn định	3/102 (2,9%)
11	Gia Lai	Hệ thống thông tin phục vụ Chính quyền điện tử bị lỗi	3/135 (2,2%)
		Thiếu nhân sự làm công tác cơ yếu	1/135 (0,7%)
		Người dân chưa có điện thoại thông minh và tài khoản ngân hàng	2/135 (1,5%)
12	TP. Hà Nội	Hệ thống phần mềm bị lỗi, không tiếp nhận cũng như xử lý được hồ sơ	12/126 (9,5%)
		Phần mềm Dịch vụ công chưa hoàn thiện, hay bị lỗi, chưa vẽ đủ quy trình và thủ tục hành chính	10/126 (7,9%)
		Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phát sinh nhiều lỗi	9/126 (7,1%)
13	Hà Tĩnh	Lỗi phần mềm và hệ thống dịch vụ công	10/69 (14,5%)
		Thiếu nhân sự và biên chế	7/69 (10,1%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị yếu kém	5/69 (7,2%)
14	TP. Hải Phòng	Thiếu thiết bị văn phòng (máy scan, máy tính, máy in)	5/114 (4,4%)
		Hệ thống phần mềm gặp lỗi, không sử dụng được	4/114 (3,5%)
		Thiếu nhân sự công nghệ thông tin	2/114 (1,8%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Lỗi hệ thống một cửa, xử lý hồ sơ chậm	7/168 (4,2%)
		Thiếu CBCC chuyên ngành Công nghệ thông tin	5/168 (3,0%)
		Hồ sơ chứng thực bản sao và chứng thực chữ ký nhiều	5/168 (3,0%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	Hưng Yên	Cổng DVC quốc gia chậm, quá tải	7/104 (6,7%)
		Thiếu định danh điện tử mức 2	6/104 (5,8%)
		Hệ thống phần mềm lỗi, không đồng bộ	5/104 (4,8%)
17	Khánh Hòa	Hướng dẫn xử lý cổng thông tin điện tử	1/65 (1,5%)
		Phần mềm một cửa và hộ tịch báo lỗi	1/65 (1,5%)
		Chậm trễ trong khâu xử lý hồ sơ thuế	1/65 (1,5%)
18	Lai Châu	Thiếu hạ tầng công nghệ và trang thiết bị	5/38 (13,2%)
		Trình độ cán bộ công nghệ thông tin chưa đáp ứng	4/38 (10,5%)
		Thiếu nhân lực và phòng làm việc	2/38 (5,3%)
19	Lâm Đồng	Phần mềm một cửa thường xuyên bị lỗi	10/124 (8,1%)
		Khó khăn trong việc thanh toán phí trực tuyến	8/124 (6,5%)
		Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị	6/124 (4,8%)
20	Lạng Sơn	Không thực hiện được công tác số hóa hồ sơ	2/65 (3,1%)
		Cổng dịch vụ công Quốc gia chưa hoạt động thông suốt	2/65 (3,1%)
		Tài khoản dịch vụ công chưa được cập nhật đầy đủ	1/65 (1,5%)
21	Lào Cai	Máy lấy số xếp hàng tự động và màn hình hiển thị số chưa được trang bị	22/99 (22,2%)
		Hồ sơ khai sinh liên thông chưa chuyển dữ liệu sang công an	2/99 (2,0%)
		Tài khoản hành chính công của lãnh đạo chưa được liên thông	1/99 (1,0%)
22	Ninh Bình	Hệ thống chậm và không ổn định	10/129 (7,8%)
		Lỗi hệ thống trong giải quyết TTHC	9/129 (7,0%)
		Chưa đồng bộ dữ liệu và quy trình	8/129 (6,2%)
23	Phú Thọ	Thiết bị cũ, hỏng	8/148 (5,4%)
		Lỗi hệ thống	6/148 (4,1%)
		Khó khăn trong thủ tục hành chính	5/148 (3,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Quảng Ngãi	Thiếu trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số	6/96 (6,2%)
		Hệ thống thanh toán trực tuyến bị lỗi	1/96 (1,0%)
		Phần mềm chưa đồng bộ đầy đủ	2/96 (2,1%)
25	Quảng Ninh	Lỗi phần mềm dịch vụ công	3/54 (5,6%)
		Cơ sở dữ liệu quốc gia chưa đầy đủ	1/54 (1,9%)
		Đường truyền internet yếu	1/54 (1,9%)
26	Quảng Trị	Thiếu trang thiết bị cơ sở vật chất	6/78 (7,7%)
		Người dân chưa định danh mức độ 2	4/78 (5,1%)
		Hệ thống thanh toán trực tuyến thường xuyên bị lỗi	1/78 (1,3%)
27	Tây Ninh	Thủ tục hành chính chưa đồng bộ và cập nhật đầy đủ	6/96 (6,2%)
		Vướng mắc trong việc nộp hồ sơ trực tuyến	5/96 (5,2%)
		Dữ liệu hộ tịch chưa đồng bộ	3/96 (3,1%)
28	Thái Nguyên	Phần mềm chưa liên thông với các hệ thống khác	10/92 (10,9%)
		Hệ thống Cổng dịch vụ công Quốc gia chậm hoặc lỗi	7/92 (7,6%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	5/92 (5,4%)
29	Thanh Hóa	Hệ thống phần mềm một cửa điện tử còn nhiều lỗi	7/166 (4,2%)
		Mạng internet chập chờn, nghẽn mạng	6/166 (3,6%)
		Thiếu nhân sự có kỹ năng công nghệ thông tin	5/166 (3,0%)
30	Tuyên Quang	Trình độ công nghệ thông tin của người dân không đồng đều	1/124 (0,8%)
		Thiếu cán bộ công nghệ thông tin	2/124 (1,6%)
		Phần mềm tiếp nhận thủ tục hành chính gặp lỗi	1/124 (0,8%)
31	Vĩnh Long	Hệ thống phần mềm hộ tịch điện tử chậm và không ổn định	10/124 (8,1%)
		Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính không liên thông	8/124 (6,5%)
		Thiếu trang thiết bị hỗ trợ cho người dân nộp hồ sơ trực tuyến	6/124 (4,8%)

Phụ lục 7
Các nhiệm vụ thường xuyên trong Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
1	Đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của các lãnh đạo và các cấp chính quyền, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (đối với cấp địa phương).	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Khoa học và Công nghệ, Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ, Thái Nguyên, Tây Ninh, Sơn La, Quảng Trị, Quảng Ninh, Phú Thọ, Ninh Bình, Nghệ An, Lào Cai, Lai Châu, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bắc Ninh.
2	Chủ trì phối hợp Bộ Công an hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc cắt bỏ các giấy tờ thủ tục đã có dữ liệu.	Văn phòng Chính phủ	Thường xuyên	Văn phòng Chính phủ.
3	Tổ chức chương trình nâng cao kỹ năng số cho người dân hoặc các chương trình hỗ trợ người dân thực hiện số hóa và nộp hồ sơ; triển khai các hoạt động truyền thông chủ động và minh bạch; truyền tải lợi ích của việc thực hiện DVCTT và tăng tương tác 2 chiều giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.	Các địa phương	Thường xuyên	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
4	Theo phân cấp, chủ động bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phân loại hồ sơ, tài liệu để xác định những loại tài liệu cần số hóa; bảo đảm trang thiết bị đầu cuối; đường truyền; bố trí nhân sự và đào tạo, tập huấn nghiệp vụ tham gia số hóa.	Địa phương	Thường xuyên	
5	Nâng cấp các chức năng, kịp thời cập nhật điều chỉnh quy trình, thông tin, dữ liệu của hệ thống đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành "điểm một cửa số" tập trung, duy nhất.	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Thường xuyên	
6	Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, phát triển và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu các hệ thống thông tin của cơ quan mình vào các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đảng ủy Quốc hội, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Thường xuyên	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận tổ quốc các đoàn thể Trung ương, Trung ương Hội Nông dân.
7	Bảo đảm nguồn cung năng lượng điện ổn định, hiệu quả và bền vững.	Bộ Công Thương, EVN	Thường xuyên	Bộ Công Thương, EVN.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
8	Chủ động tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch tổng thể về đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, đường truyền, bảo đảm đồng bộ, hiện đại.	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Toà án nhân dân tối cao, Hội Nông dân Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy ban Dân nguyện và Giám sát, Ủy ban Công tác đại biểu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Văn hóa và Xã hội, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	Thường xuyên	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, Đảng ủy Mặt trận tổ quốc các đoàn thể Trung ương, Ủy ban Công tác đại biểu, Ủy ban Dân nguyện và Giám sát, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại, Ủy ban Văn hóa và Xã hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Hội Nông dân, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Toà án nhân dân tối cao.
9	Đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành về CSDL tổng hợp quốc gia, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần. Nghiên cứu cơ chế cho phép các doanh nghiệp triển khai, đảm nhận các dịch vụ công của cơ quan nhà nước.	Các Bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Tuyên Quang, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ, Thái Nguyên, Sơn La, Quảng Trị, Quảng Ninh, Ninh Bình, Nghệ An, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Khánh Hòa, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Cao Bằng, Cà Mau, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bắc Ninh.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
10	Hoàn thành rà soát, cấu trúc lại các thủ tục hành chính chuyển từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử.	Các địa phương	Thường xuyên	
11	Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu.	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Tư pháp, Thành phố Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ, Thái Nguyên, Tây Ninh, Sơn La, Quảng Trị, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Phú Thọ, Ninh Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đồng Tháp, Đồng Nai, Điện Biên, Đắk Lắk, Cà Mau, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng,Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bắc Ninh.
12	Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm cung cấp thực chất, hiệu quả 25 DVCTT toàn trình, 982 DVCTT với số lượng hồ sơ trung bình phát sinh 1.000 hồ sơ/năm/tỉnh, 82 nhóm TTHC toàn trình, 1.139 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu.	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quảng Trị, Sơn La, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công thương, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Cao Bằng, Cà Mau, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh.
13	Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho cán bộ, công chức, viên chức	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Thành phố Đà Nẵng, Bắc Ninh, Bộ Công an, Bộ Công thương, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ,

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
				Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Cà Mau, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đắk Lắk, Điện Biên, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La.
14	Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Triển khai các giải pháp giám sát, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin cho chuyển đổi số. (2) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án ứng cứu sự cố, bảo vệ dữ liệu và khôi phục hoạt động trong trường hợp bị tấn công mạng.	Bộ Công an	Thường xuyên	Bộ Công an
15	Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo mật cơ yếu đối với hạ tầng đường truyền, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, ứng dụng.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Thường xuyên	Ban cơ yếu Chính phủ

Phụ lục 8
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA TRONG NGÀY 21/10/2025

Nguồn số liệu về thủ tục hành chính được cung cấp bởi Cổng Dịch vụ công Quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/ (đồng bộ: 17:42:41, ngày 22/10/2025)

I. Tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ tại các đơn vị ghi nhận trên Cổng DVCQG

STT	Tên cơ quan	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã trả	Tổng	Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến	Trung bình ngày tháng 6
1	Thành phố Hồ Chí Minh	4229	20186	20463	24415	82,68%	17133
2	Thành phố Hải Phòng	2106	14083	14769	16189	86,99%	4313
3	Thành phố Hà Nội	56	10188	3948	10244	99,45%	6466
4	Tỉnh Đồng Nai	438	8937	7334	9375	95,33%	3698
5	Tỉnh Ninh Bình	544	8560	8831	9104	94,02%	3380
6	Tỉnh Lâm Đồng	1108	7119	7452	8227	86,53%	3481
7	Tỉnh Nghệ An	321	7456	5986	7777	95,87%	2919
8	Tỉnh Đắk Lắk	2088	5686	5898	7774	73,14%	3499
9	Tỉnh Tây Ninh	416	7272	7145	7688	94,59%	4006
10	Tỉnh Gia Lai	1115	6477	6586	7592	85,31%	1891
11	Tỉnh Thanh Hóa	167	6732	5087	6899	97,58%	4259
12	Tỉnh Phú Thọ	532	5639	5609	6171	91,38%	3521
13	Thành phố Đà Nẵng	1416	4704	5422	6120	76,86%	3100
14	Tỉnh An Giang	1039	4642	4755	5681	81,71%	2955
15	Tỉnh Hưng Yên	281	5069	4762	5350	94,75%	2118
16	Thành phố Cần Thơ	1567	3639	3923	5206	69,90%	2700
17	Tỉnh Vĩnh Long	1186	3830	4435	5016	76,36%	2309
18	Tỉnh Đồng Tháp	137	4538	4578	4675	97,07%	1536
19	Tỉnh Thái Nguyên	153	3709	2745	3862	96,04%	2250
20	Tỉnh Lạng Sơn	112	3673	2847	3785	97,04%	683
21	Tỉnh Tuyên Quang	452	3194	3286	3646	87,60%	1664
22	Tỉnh Quảng Ngãi	771	2810	2979	3581	78,47%	1952
23	Tỉnh Khánh Hòa	783	2798	3410	3581	78,13%	1666
24	Tỉnh Cà Mau	464	2986	2805	3450	86,55%	1578
25	Tỉnh Quảng Trị	637	2681	2956	3318	80,80%	1523
26	Tỉnh Quảng Ninh	13	3194	3190	3207	99,59%	651
27	Tỉnh Hà Tĩnh	22	3108	1886	3130	99,30%	1290
28	Tỉnh Lào Cai	112	2932	1711	3044	96,32%	1266
29	Thành phố Huế	56	2025	1850	2081	97,31%	1048
30	Tỉnh Sơn La	355	889	1091	1244	71,46%	513
31	Tỉnh Cao Bằng	413	574	867	987	58,16%	320
32	Tỉnh Điện Biên	133	530	642	663	79,94%	276
33	Tỉnh Lai Châu	205	457	644	662	69,03%	160
34	Tỉnh Bắc Ninh	0	0	1174	0	0%	3081
Tổng		**23427**	**170317**	**161066**	**193744**	**87,91%**	**93205**

II. Hồ sơ nộp ở UBND cấp xã ghi nhận trên cổng DVCQG

STT	Tên cơ quan	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã trả	Tổng	Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến
1	Thành phố Hồ Chí Minh	2364	16579	16474	18943	87,52%
2	Thành phố Hải Phòng	1495	11711	12640	13206	88,68%
3	Thành phố Hà Nội	1	7472	3604	7473	99,99%
4	Tỉnh Tây Ninh	387	6797	6764	7184	94,61%
5	Tỉnh Ninh Bình	98	7020	7293	7118	98,62%
6	Tỉnh Gia Lai	1004	5874	6202	6878	85,40%
7	Tỉnh Phú Thọ	458	5368	5215	5826	92,14%
8	Tỉnh Nghệ An	127	5452	4638	5579	97,72%
9	Tỉnh Lâm Đồng	139	5128	5029	5267	97,36%
10	Tỉnh Thanh Hóa	33	4793	3936	4826	99,32%
11	Tỉnh Đồng Nai	357	4457	4244	4814	92,58%
12	Tỉnh Hưng Yên	227	4512	4184	4739	95,21%
13	Thành phố Đà Nẵng	1249	3156	4079	4405	71,65%
14	Tỉnh Đồng Tháp	78	4165	4388	4243	98,16%
15	Tỉnh Đắk Lắk	1126	3113	3357	4239	73,44%
16	Tỉnh Vĩnh Long	552	3634	4021	4186	86,81%
17	Tỉnh Thái Nguyên	94	3473	2537	3567	97,36%
18	Tỉnh An Giang	406	3151	3380	3557	88,59%
19	Thành phố Cần Thơ	1121	2393	3505	3514	68,10%
20	Tỉnh Lạng Sơn	100	3282	2485	3382	97,04%
21	Tỉnh Quảng Ngãi	737	2550	2793	3287	77,58%
22	Tỉnh Tuyên Quang	352	2751	2918	3103	88,66%
23	Tỉnh Quảng Trị	598	2374	2617	2972	79,88%
24	Tỉnh Cà Mau	431	2352	2250	2783	84,51%
25	Tỉnh Lào Cai	87	2299	1522	2386	96,35%
26	Tỉnh Hà Tĩnh	7	2170	1691	2177	99,68%
27	Tỉnh Khánh Hòa	277	1844	1991	2121	86,94%
28	Tỉnh Quảng Ninh	6	2104	2226	2110	99,72%
29	Thành phố Huế	46	1924	1760	1970	97,66%
30	Tỉnh Sơn La	240	662	847	902	73,39%
31	Tỉnh Cao Bằng	288	494	735	782	63,17%
32	Tỉnh Lai Châu	108	441	546	549	80,33%
33	Tỉnh Điện Biên	89	433	526	522	82,95%
34	Tỉnh Bắc Ninh	0	0	989	0	0%
Tổng		**14682**	**133928**	**131386**	**148610**	**90,12%**

III. Tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ ghi nhận trên Cổng DVCQG từ ngày 01/7/2025 – đến ngày 21/10/2025

STT	Tên cơ quan	Trực tiếp		Trực tuyến		Đã trả		Tổng		Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến	
		Tỉnh	Xã	Tỉnh	Xã	Tỉnh	Xã	Tỉnh	Xã	Tỉnh	Xã
1	Tỉnh Bắc Ninh	18808	15873	657119	590788	638632	579674	675927	606661	97,22%	97,38%
2	Tỉnh Tây Ninh	20415	16340	483158	448956	459314	424942	503573	465296	95,95%	96,49%
3	Tỉnh Hà Tĩnh	9641	7214	202595	152771	181558	148827	212236	159985	95,46%	95,49%
4	Thành phố Hà Nội	50265	22936	1010327	706982	944246	703452	1060592	729918	95,26%	96,86%
5	Tỉnh Thanh Hóa	28394	16709	537153	402769	535598	407940	565547	419478	94,98%	96,02%
6	Thành phố Huế	15524	9019	188673	169872	185437	163329	204197	178891	92,40%	94,96%
7	Tỉnh Đồng Nai	53982	33193	605914	349686	596390	361078	659896	382879	91,82%	91,33%
8	Tỉnh Tuyên Quang	20888	17040	203998	181512	214665	193235	224886	198552	90,71%	91,42%
9	Tỉnh Thái Nguyên	27374	17639	260510	233620	263773	229312	287884	251259	90,49%	92,98%
10	Tỉnh Quảng Ninh	30092	22222	224522	156332	236000	169569	254614	178554	88,18%	87,55%
11	Tỉnh Lào Cai	37620	27179	219465	189576	232435	203898	257085	216755	85,37%	87,46%
12	Tỉnh Ninh Bình	79518	33100	423193	360667	473304	388175	502711	393767	84,18%	91,59%
13	Tỉnh An Giang	61928	24127	329441	246888	360749	256734	391369	271015	84,18%	91,10%
14	Tỉnh Cà Mau	42413	33676	221952	177572	243275	195223	264365	211248	83,96%	84,06%
15	Tỉnh Phú Thọ	82264	65259	426773	404371	466389	430727	509037	469630	83,84%	86,10%
16	Tỉnh Gia Lai	87337	79600	426015	394099	476431	441455	513352	473699	82,99%	83,20%
17	Tỉnh Hưng Yên	72100	61069	341823	305651	390127	348566	413923	366720	82,58%	83,35%
18	Tỉnh Nghệ An	107890	77614	440965	347517	484796	398008	548855	425131	80,34%	81,74%
19	Thành phố Hải Phòng	190355	147496	660407	502954	809636	629514	850762	650450	77,63%	77,32%
20	Tỉnh Lâm Đồng	130360	58261	450023	340610	522667	367432	580383	398871	77,54%	85,39%
21	Tỉnh Đồng Tháp	86609	53308	292669	266848	357675	302488	379278	320156	77,16%	83,35%
22	Tỉnh Lai Châu	15498	9976	47622	44971	59320	52336	63120	54947	75,45%	81,84%
23	Tỉnh Điện Biên	12555	7283	37984	30335	48950	36279	50539	37618	75,16%	80,64%
24	Thành phố Đà Nẵng	114058	77095	344898	241298	393119	297476	458956	318393	75,15%	75,79%
25	Tỉnh Đắk Lắk	138343	58813	382271	265025	461614	292944	520614	323838	73,43%	81,84%
26	Tỉnh Quảng Trị	57064	54523	154949	136795	191572	172603	212013	191318	73,08%	71,50%
27	Tỉnh Quảng Ngãi	78572	71479	206286	189198	255085	233012	284858	260677	72,42%	72,58%
28	Thành phố Cần Thơ	104870	53098	263568	197321	334583	235822	368438	250419	71,54%	78,80%
29	Thành phố Hồ Chí Minh	585667	381114	1121632	842169	1605826	1162530	1707299	1223283	65,70%	68,84%
30	Tỉnh Vĩnh Long	106835	65404	199826	186666	286088	236654	306661	252070	65,16%	74,05%
31	Tỉnh Khánh Hòa	122238	64661	191509	120875	268572	157280	313747	185536	61,04%	65,15%
32	Tỉnh Lạng Sơn	54398	47368	74205	55288	116823	96265	128603	102656	57,70%	53,86%
33	Tỉnh Sơn La	62427	56469	66346	52536	125660	107478	128773	109005	51,52%	48,20%
34	Tỉnh Cao Bằng	45261	37539	46483	40425	85723	74867	91744	77964	50,67%	51,85%
Tổng		**2751563**	**1823696**	**11744274**	**9332943**	**13306032**	**10499124**	**14495837**	**11156639**	**81,02%**	**83,65%**

Phụ lục 9
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Đảng ủy cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Đảng ủy xã đã phổ biến đến các tổ chức đảng nơi cư trú và cán bộ, đảng viên thực hiện các thủ tục hành chính của Đảng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa?	27	Đồng Tháp (15,69% (16/102)); Hà Tĩnh (17,39% (12/69)); Lai Châu (18,42% (7/38)); Đắk Lắk (18,63% (19/102)); An Giang (20,59% (21/102)); TP. Hồ Chí Minh (20,83% (35/168)); Cao Bằng (21,43% (12/56)); Quảng Trị (21,79% (17/78)); Sơn La (22,67% (17/75)); Thanh Hóa (22,89% (38/166))
2	Cơ quan đã sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức phục vụ công tác tổ chức, nhân sự trong cơ quan Đảng	23	Đắk Lắk (17,65% (18/102)); Hà Tĩnh (18,84% (13/69)); Đồng Nai (20,0% (19/95)); Quảng Trị (20,51% (16/78)); Lâm Đồng (20,97% (26/124)); Thái Nguyên (25,0% (23/92)); Bắc Ninh (25,25% (25/99)); Cao Bằng (26,79% (15/56)); Sơn La (28,0% (21/75)); Lai Châu (28,95% (11/38))
3	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị	17	Vĩnh Long (20,97% (26/124)); Quảng Ngãi (25,0% (24/96)); Lâm Đồng (25,81% (32/124)); Đồng Nai (28,42% (27/95)); Cao Bằng (28,57% (16/56)); Đắk Lắk (30,39% (31/102)); Lai Châu (34,21% (13/38)); Quảng Trị (34,62% (27/78)); TP. Cần Thơ (34,95% (36/103)); Hà Tĩnh (37,68% (26/69))
4	Đảng ủy (hoặc Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy) xã đã đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình kiểm tra, giám sát năm 2025 đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên	1	Đồng Tháp (38,24% (39/102))

Phụ lục 10
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Hội đồng Nhân dân cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Chất vấn và thảo luận: Tại kỳ họp HĐND xã gần nhất, các đại biểu HĐND có chất vấn hoặc thảo luận về kết quả triển khai chuyển đổi số ở xã	20	Thanh Hóa (13,25% (22/166)); Đồng Tháp (15,69% (16/102)); Cao Bằng (19,64% (11/56)); Đồng Nai (20,0% (19/95)); Khánh Hòa (21,54% (14/65)); Lâm Đồng (23,39% (29/124)); Sơn La (24,0% (18/75)); Đắk Lắk (27,45% (28/102)); Điện Biên (28,89% (13/45)); Quảng Ngãi (31,25% (30/96))
2	Giám sát chuyên đề: HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội) có kế hoạch giám sát chuyên đề đối với công tác ch uyển đổi số tại xã trong năm 2025	17	Đồng Tháp (19,61% (20/102)); Lâm Đồng (25,0% (31/124)); Điện Biên (26,67% (12/45)); Cao Bằng (26,79% (15/56)); Đắk Lắk (28,43% (29/102)); Quảng Ngãi (32,29% (31/96)); Khánh Hòa (32,31% (21/65)); Lai Châu (36,84% (14/38)); Thanh Hóa (37,35% (62/166)); Đồng Nai (40,0% (38/95))
3	Phối hợp kiểm tra: Đại biểu HĐND xã có tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do cấp trên tổ chức về nội dung chuyển đổi số tại địa phương	17	Đắk Lắk (23,53% (24/102)); Đồng Tháp (23,53% (24/102)); Thanh Hóa (25,3% (42/166)); Lâm Đồng (27,42% (34/124)); Quảng Trị (28,21% (22/78)); Khánh Hòa (29,23% (19/65)); TP. Hồ Chí Minh (33,93% (57/168)); Hưng Yên (34,62% (36/104)); Quảng Ngãi (36,46% (35/96)); Đồng Nai (38,95% (37/95))
4	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị	17	Cao Bằng (12,5% (7/56)); Đồng Tháp (15,69% (16/102)); Vĩnh Long (18,55% (23/124)); TP. Cần Thơ (20,39% (21/103)); Quảng Ngãi (20,83% (20/96)); Hà Tĩnh (23,19% (16/69)); Lâm Đồng (23,39% (29/124)); Quảng Trị (24,36% (19/78)); Đắk Lắk (24,51% (25/102)); Sơn La (29,33% (22/75))
5	Ban hành văn bản giám sát: HĐND xã hoặc Thường trực HĐND đã ban hành nghị quyết, quyết định hoặc kế hoạch giám sát chuyên đề về việc thực hiện chuyển đổi số	16	Đồng Tháp (21,57% (22/102)); Khánh Hòa (29,23% (19/65)); Điện Biên (31,11% (14/45)); Đắk Lắk (31,37% (32/102)); Thanh Hóa (33,13% (55/166)); Cao Bằng (33,93% (19/56)); Lâm Đồng (36,29% (45/124)); Quảng Trị (38,46% (30/78)); Đồng Nai (40,0% (38/95)); Hà Tĩnh (40,58% (28/69))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
6	Ngân sách cho chuyển đổi số: Khi phê duyệt dự toán ngân sách địa phương năm 2025, HĐND xã có bố trí kinh phí cho các hoạt động chuyển đổi số ở xã	14	Điện Biên (15,56% (7/45)); Vĩnh Long (16,13% (20/124)); TP. Cần Thơ (19,42% (20/103)); Khánh Hòa (20,0% (13/65)); Cao Bằng (21,43% (12/56)); Lâm Đồng (29,84% (37/124)); Đắk Lắk (30,39% (31/102)); Đồng Tháp (30,39% (31/102)); Đồng Nai (32,63% (31/95)); Thanh Hóa (35,54% (59/166))
7	Hệ thống thông tin HĐND: HĐND xã có được cấp quyền sử dụng hệ thống thông tin quản lý kỳ họp, tài liệu (không giấy) hoặc ứng dụng nào phục vụ hoạt động của HĐND	9	Điện Biên (13,33% (6/45)); Thanh Hóa (33,13% (55/166)); Cao Bằng (35,71% (20/56)); Đắk Lắk (36,27% (37/102)); Lâm Đồng (41,94% (52/124)); Sơn La (42,67% (32/75)); Đồng Nai (44,21% (42/95)); TP. Cần Thơ (46,6% (48/103)); Vĩnh Long (49,19% (61/124))
8	HĐND xã có triển khai họp, trao đổi công việc qua hình thức trực tuyến	6	Đắk Lắk (40,2% (41/102)); Cao Bằng (42,86% (24/56)); Đồng Tháp (43,14% (44/102)); Thanh Hóa (47,59% (79/166)); Quảng Ngãi (47,92% (46/96)); Khánh Hòa (49,23% (32/65))
9	Danh sách và tiểu sử của đại biểu HĐND xã đã được cập nhật trên cổng/trang thông tin điện tử của xã hoặc hệ thống quản lý đại biểu của HĐND cấp trên	5	Khánh Hòa (43,08% (28/65)); Đồng Tháp (44,12% (45/102)); Đồng Nai (44,21% (42/95)); Đắk Lắk (46,08% (47/102)); Cao Bằng (48,21% (27/56))
10	Thông tin về hoạt động HĐND xã có được cập nhật công khai trên cổng thông tin điện tử	3	Khánh Hòa (41,54% (27/65)); Điện Biên (42,22% (19/45)); Cao Bằng (48,21% (27/56))
11	HĐND xã đã đưa nội dung chuyển đổi số vào nghị quyết của HĐND về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương năm 2025	1	Cao Bằng (46,43% (26/56))

Phụ lục 11
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Ủy ban Nhân dân cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Có kịch bản, phương án hướng dẫn hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý các tình huống thường gặp	20	Cao Bằng (7,14% (4/56)); Vĩnh Long (8,06% (10/124)); Đắk Lắk (11,76% (12/102)); Lâm Đồng (12,9% (16/124)); Đồng Tháp (13,73% (14/102)); Sơn La (14,67% (11/75)); TP. Cần Thơ (15,53% (16/103)); Đồng Nai (15,79% (15/95)); Quảng Ngãi (16,67% (16/96)); Khánh Hòa (18,46% (12/65))
2	UBND xã đã ban hành các quy định, quy chế liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị hiện nay	18	Cao Bằng (17,86% (10/56)); Đắk Lắk (20,59% (21/102)); TP. Cần Thơ (21,36% (22/103)); Khánh Hòa (24,62% (16/65)); Lâm Đồng (25,81% (32/124)); Quảng Ngãi (26,04% (25/96)); Đồng Nai (26,32% (25/95)); Vĩnh Long (27,42% (34/124)); Đồng Tháp (29,41% (30/102)); TP. Hồ Chí Minh (31,55% (53/168))
3	Trong năm 2025, UBND xã đã chủ động tham mưu bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	13	Điện Biên (17,78% (8/45)); TP. Cần Thơ (23,3% (24/103)); Cao Bằng (25,0% (14/56)); Khánh Hòa (27,69% (18/65)); Đắk Lắk (31,37% (32/102)); Vĩnh Long (31,45% (39/124)); Lâm Đồng (33,06% (41/124)); Đồng Tháp (37,25% (38/102)); Sơn La (44,0% (33/75)); Đồng Nai (46,32% (44/95))
4	UBND xã cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức trên phần mềm nhân sự	11	Khánh Hòa (27,69% (18/65)); Điện Biên (31,11% (14/45)); Vĩnh Long (31,45% (39/124)); Lâm Đồng (32,26% (40/124)); Đắk Lắk (35,29% (36/102)); TP. Hồ Chí Minh (35,71% (60/168)); Quảng Trị (39,74% (31/78)); Đồng Nai (41,05% (39/95)); Sơn La (45,33% (34/75)); Hưng Yên (46,15% (48/104))
5	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị	10	Cao Bằng (33,93% (19/56)); Vĩnh Long (37,1% (46/124)); Quảng Ngãi (41,67% (40/96)); TP. Cần Thơ (42,72% (44/103)); Lâm Đồng (42,74% (53/124)); Quảng Trị (43,59% (34/78)); Đắk Lắk (45,1% (46/102)); Đồng Tháp (45,1% (46/102)); Hưng Yên (46,15% (48/104)); Đồng Nai (49,47% (47/95))
6	UBND xã khai thác thường xuyên CSDL quốc gia phục vụ giải quyết TTHC	2	Vĩnh Long (46,77% (58/124)); Lâm Đồng (49,19% (61/124))

Phụ lục 12
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống.	17	Quảng Ngãi (16,67% (16/96)); Đồng Tháp (19,61% (20/102)); Lâm Đồng (24,19% (30/124)); Cao Bằng (30,36% (17/56)); Vĩnh Long (30,65% (38/124)); Hà Tĩnh (31,88% (22/69)); Quảng Trị (32,05% (25/78)); TP. Cần Thơ (33,01% (34/103)); Sơn La (37,33% (28/75)); Thanh Hóa (37,95% (63/166))
2	MTTQ xã và các tổ chức đoàn thể có cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung (do MTTQ cấp trên triển khai)	10	Quảng Ngãi (31,25% (30/96)); Khánh Hòa (32,31% (21/65)); TP. Hồ Chí Minh (38,69% (65/168)); Hà Tĩnh (40,58% (28/69)); Đồng Nai (41,05% (39/95)); Sơn La (41,33% (31/75)); Thanh Hóa (42,77% (71/166)); Vĩnh Long (44,35% (55/124)); Lâm Đồng (47,58% (59/124)); TP. Hà Nội (49,21% (62/126))
3	MTTQ xã đã đưa nội dung giám sát việc thực hiện chuyển đổi số của chính quyền vào chương trình giám sát, phản biện xã hội năm 2025	8	Đồng Tháp (35,29% (36/102)); Đồng Nai (36,84% (35/95)); Điện Biên (40,0% (18/45)); Lâm Đồng (41,13% (51/124)); Vĩnh Long (41,94% (52/124)); TP. Hồ Chí Minh (45,83% (77/168)); Sơn La (48,0% (36/75)); Đắk Lắk (48,04% (49/102))
4	Mô hình "Dân vận số": MTTQ xã có triển khai mô hình nào sáng tạo trong công tác dân vận để thúc đẩy người dân hưởng ứng chuyển đổi số	4	Điện Biên (35,56% (16/45)); Cao Bằng (39,29% (22/56)); Quảng Trị (46,15% (36/78)); Sơn La (46,67% (35/75))
5	Phản hồi tới chính quyền: MTTQ xã có tổng hợp và phả n ánh các kiến nghị, ý kiến của nhân dân liên quan đến c huyển đổi số tới UBND xã hoặc cấp trên	3	Điện Biên (42,22% (19/45)); Đồng Nai (45,26% (43/95)); Cao Bằng (48,21% (27/56))
6	MTTQ xã có kế hoạch hoặc đề xuất trang bị, nâng cấp thiết bị và phần mềm để phục vụ công tác giám sát, phản biện, tổng hợp ý kiến nhân dân trên môi trường số	1	Đồng Nai (42,11% (40/95))

Phụ lục 13
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP ĐẢNG ỦY

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị chưa đồng bộ	22/102 (21,6%)
		Trình độ cán bộ, công chức về công nghệ thông tin còn hạn chế	20/102 (19,6%)
		Thiếu kinh phí và nguồn lực cho chuyển đổi số	15/102 (14,7%)
2	Bắc Ninh	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	24/99 (24,2%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin yếu, không đồng bộ	22/99 (22,2%)
		Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, người dân còn hạn chế	20/99 (20,2%)
3	Cà Mau	Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị chưa đảm bảo	21/64 (32,8%)
		Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	15/64 (23,4%)
		Chưa được tập huấn về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin	12/64 (18,8%)
4	TP. Cần Thơ	Thiếu nhân lực CNTT	24/103 (23,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu	22/103 (21,4%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	18/103 (17,5%)
5	Cao Bằng	Thiếu nguồn lực (tài chính, nhân lực, công nghệ)	22/56 (39,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	19/56 (33,9%)
		Nhận thức của cán bộ về chuyển đổi số chưa đầy đủ	15/56 (26,8%)
6	TP. Đà Nẵng	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	25/94 (26,6%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn CNTT	19/94 (20,2%)
		Nguồn lực tài chính hạn chế	15/94 (16,0%)
7	Đắk Lắk	Thiếu nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	27/102 (26,5%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu	25/102 (24,5%)
		Kỹ năng số của cán bộ và người dân còn hạn chế	22/102 (21,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	15/45 (33,3%)
		Kỹ năng số của cán bộ, công chức còn hạn chế	10/45 (22,2%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin	8/45 (17,8%)
9	Đồng Nai	Thiếu nguồn lực và kỹ năng số	20/95 (21,1%)
		Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị chưa đồng bộ	19/95 (20,0%)
		Nhận thức chưa đồng đều về chuyển đổi số	18/95 (18,9%)
10	Đồng Tháp	Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị	30/102 (29,4%)
		Trình độ cán bộ và công chức chưa đồng đều	25/102 (24,5%)
		Hệ thống mạng không ổn định	20/102 (19,6%)
11	Gia Lai	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	36/135 (26,7%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin yếu và thiếu đồng bộ	30/135 (22,2%)
		Trình độ cán bộ, công chức về công nghệ thông tin còn hạn chế	28/135 (20,7%)
12	TP. Hà Nội	Thiếu trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	40/126 (31,7%)
		Đảng viên cao tuổi gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ	36/126 (28,6%)
		Nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số còn hạn chế	34/126 (27,0%)
13	Hà Tĩnh	Hạn chế về hạ tầng và thiết bị công nghệ	22/69 (31,9%)
		Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	14/69 (20,3%)
		Nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về chuyển đổi số còn hạn chế	12/69 (17,4%)
14	TP. Hải Phòng	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	36/114 (31,6%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	30/114 (26,3%)
		Chất lượng mạng internet chưa đảm bảo	29/114 (25,4%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất	56/168 (33,3%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin	37/168 (22,0%)
		Hệ thống phần mềm chưa hoàn thiện, gặp lỗi	30/168 (17,9%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Hạn chế về hạ tầng công nghệ thông tin	7/40 (17,5%)
		Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	6/40 (15,0%)
		Nguồn lực tài chính còn hạn chế	5/40 (12,5%)
17	Hưng Yên	Thiếu cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin	45/104 (43,3%)
		Trình độ cán bộ, công chức về công nghệ thông tin còn hạn chế	38/104 (36,5%)
		Nhận thức của người dân và cán bộ về chuyển đổi số còn thấp	32/104 (30,8%)
18	Khánh Hòa	Thiếu nguồn nhân lực chất lượng và chuyên môn về CNTT	12/65 (18,5%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin yếu kém	10/65 (15,4%)
		Nhận thức và kỹ năng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế	9/65 (13,8%)
19	Lai Châu	Hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu	15/38 (39,5%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	11/38 (28,9%)
		Trang thiết bị công nghệ thông tin cũ, thiếu đồng bộ	10/38 (26,3%)
20	Lâm Đồng	Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	27/124 (21,8%)
		Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu	25/124 (20,2%)
		Nhận thức về chuyển đổi số chưa đầy đủ	24/124 (19,4%)
21	Lạng Sơn	Thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT và chuyển đổi số	20/65 (30,8%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu kém	18/65 (27,7%)
		Thiếu kinh phí cho chuyển đổi số	14/65 (21,5%)
22	Lào Cai	Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	30/99 (30,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị còn thiếu, lạc hậu	29/99 (29,3%)
		Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của cán bộ và nhân dân chưa đồng đều	25/99 (25,3%)
23	Nghệ An	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	25/130 (19,2%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	22/130 (16,9%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	21/130 (16,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	36/129 (27,9%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	33/129 (25,6%)
		Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, người dân còn hạn chế	30/129 (23,3%)
25	Phú Thọ	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	26/148 (17,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	25/148 (16,9%)
		Kinh phí dành cho chuyển đổi số còn hạn hẹp	20/148 (13,5%)
26	Quảng Ngãi	Thiếu hụt nhân lực chuyên môn về CNTT	18/96 (18,8%)
		Hạ tầng kỹ thuật chưa đảm bảo cho chuyển đổi số	17/96 (17,7%)
		Hạn chế về kinh phí	14/96 (14,6%)
27	Quảng Ninh	Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	23/54 (42,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị cũ, thiếu đồng bộ	20/54 (37,0%)
		Kỹ năng số của cán bộ và người dân còn hạn chế	18/54 (33,3%)
28	Quảng Trị	Thiếu cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số	17/78 (21,8%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và thiếu	16/78 (20,5%)
		Kỹ năng số của cán bộ và người dân còn hạn chế	15/78 (19,2%)
29	Sơn La	Thiếu nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	14/75 (18,7%)
		Hạ tầng kỹ thuật yếu kém, không đồng bộ	13/75 (17,3%)
		Trình độ cán bộ, công chức hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin	12/75 (16,0%)
30	Tây Ninh	Thiếu cán bộ chuyên môn về CNTT	18/96 (18,8%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	16/96 (16,7%)
		Kỹ năng sử dụng phần mềm và dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế	14/96 (14,6%)
31	Thái Nguyên	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	22/92 (23,9%)
		Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị chưa đồng bộ, lạc hậu	20/92 (21,7%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ không đồng đều	16/92 (17,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	36/166 (21,7%)
		Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	34/166 (20,5%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	33/166 (19,9%)
33	Tuyên Quang	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	33/124 (26,6%)
		Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị còn hạn chế	31/124 (25,0%)
		Trình độ CNTT của cán bộ, công chức không đồng đều	30/124 (24,2%)
34	Vĩnh Long	Thiếu nguồn nhân lực và chuyên môn về công nghệ thông tin	31/124 (25,0%)
		Trang thiết bị và cơ sở vật chất chưa đảm bảo	30/124 (24,2%)
		Khó khăn trong việc triển khai phần mềm và hệ thống	19/124 (15,3%)

Phụ lục 14
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP ĐẢNG ỦY

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	29/102 (28,4%)
		Đề nghị nâng cấp trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	25/102 (24,5%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	15/102 (14,7%)
2	Bắc Ninh	Tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ	32/99 (32,3%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT	30/99 (30,3%)
		Cấp kinh phí cho công tác chuyển đổi số	22/99 (22,2%)
3	Cà Mau	Tập huấn và đào tạo về chuyển đổi số	21/64 (32,8%)
		Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng cho chuyển đổi số	20/64 (31,2%)
		Cần có phần mềm quản lý cán bộ, công chức	5/64 (7,8%)
4	TP. Cần Thơ	Cần trang bị cơ sở vật chất và thiết bị cho chuyển đổi số	34/103 (33,0%)
		Tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ, công chức	27/103 (26,2%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	21/103 (20,4%)
5	Cao Bằng	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số	25/56 (44,6%)
		Bố trí kinh phí, trang thiết bị cho công tác chuyển đổi số	21/56 (37,5%)
		Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	16/56 (28,6%)
6	TP. Đà Nẵng	Đào tạo và tập huấn cho cán bộ, công chức	38/94 (40,4%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	36/94 (38,3%)
		Đầu tư trang thiết bị công nghệ	25/94 (26,6%)
7	Đắk Lắk	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	37/102 (36,3%)
		Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	29/102 (28,4%)
		Cần bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	21/102 (20,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Cần tổ chức tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ	20/45 (44,4%)
		Cần nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, đường truyền Internet	15/45 (33,3%)
		Cần hỗ trợ trang thiết bị và phần mềm cho công tác chuyển đổi số	10/45 (22,2%)
9	Đồng Nai	Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức	20/95 (21,1%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	15/95 (15,8%)
		Cần đầu tư trang thiết bị cho chuyển đổi số	12/95 (12,6%)
10	Đồng Tháp	Nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị và đường truyền	37/102 (36,3%)
		Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	31/102 (30,4%)
		Cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số	12/102 (11,8%)
11	Gia Lai	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	36/135 (26,7%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	30/135 (22,2%)
		Bổ sung cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	25/135 (18,5%)
12	TP. Hà Nội	Đề nghị tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ	32/126 (25,4%)
		Cần nâng cấp và hoàn thiện phần mềm quản lý văn bản	22/126 (17,5%)
		Đề nghị đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT	20/126 (15,9%)
13	Hà Tĩnh	Hỗ trợ nguồn lực tài chính và đầu tư hạ tầng CNTT	14/69 (20,3%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	13/69 (18,8%)
		Cần trang bị thiết bị công nghệ và cơ sở vật chất	9/69 (13,0%)
14	TP. Hải Phòng	Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu cho cán bộ, công chức	38/114 (33,3%)
		Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin	36/114 (31,6%)
		Đầu tư nâng cấp đường truyền internet	18/114 (15,8%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho chuyển đổi số	38/168 (22,6%)
		Cần tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	32/168 (19,0%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	29/168 (17,3%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	15/40 (37,5%)
		Hỗ trợ về kinh phí và cơ sở hạ tầng	7/40 (17,5%)
		Cần bố trí cán bộ chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số	6/40 (15,0%)
17	Hưng Yên	Tập huấn cho cán bộ, công chức về chuyển đổi số	36/104 (34,6%)
		Cung cấp trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin	32/104 (30,8%)
		Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng, đường truyền	20/104 (19,2%)
18	Khánh Hòa	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ	20/65 (30,8%)
		Cần bổ sung nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin	10/65 (15,4%)
		Cần đầu tư trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	9/65 (13,8%)
19	Lai Châu	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho xã	15/38 (39,5%)
		Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	14/38 (36,8%)
		Bố trí cán bộ chuyên môn về chuyển đổi số	8/38 (21,1%)
20	Lâm Đồng	Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	25/124 (20,2%)
		Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	23/124 (18,5%)
		Đầu tư trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số	22/124 (17,7%)
21	Lạng Sơn	Cần mở các lớp tập huấn, đào tạo về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20/65 (30,8%)
		Đề nghị nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và mạng internet	14/65 (21,5%)
		Cần bổ sung biên chế và cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	10/65 (15,4%)
22	Lào Cai	Thiếu trang thiết bị công nghệ thông tin	34/99 (34,3%)
		Cần tổ chức nhiều lớp tập huấn về chuyển đổi số	29/99 (29,3%)
		Yêu cầu nâng cấp hạ tầng internet	21/99 (21,2%)
23	Nghệ An	Tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức	37/130 (28,5%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho chuyển đổi số	24/130 (18,5%)
		Bổ sung cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin	16/130 (12,3%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	35/129 (27,1%)
		Cần nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin	29/129 (22,5%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	24/129 (18,6%)
25	Phú Thọ	Tập huấn về chuyển đổi số	34/148 (23,0%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	25/148 (16,9%)
		Cung cấp kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	20/148 (13,5%)
26	Quảng Ngãi	Hỗ trợ kinh phí để chuyển đổi số	15/96 (15,6%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	12/96 (12,5%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	11/96 (11,5%)
27	Quảng Ninh	Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ cấp xã	8/54 (14,8%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số	7/54 (13,0%)
		Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	6/54 (11,1%)
28	Quảng Trị	Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ	36/78 (46,2%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	30/78 (38,5%)
		Đầu tư kinh phí cho chuyển đổi số	18/78 (23,1%)
29	Sơn La	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	25/75 (33,3%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	15/75 (20,0%)
		Bổ sung biên chế và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin	10/75 (13,3%)
30	Tây Ninh	Cần tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức cấp xã	20/96 (20,8%)
		Thiếu cán bộ có chuyên môn phụ trách CNTT	10/96 (10,4%)
		Cần nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số	9/96 (9,4%)
31	Thái Nguyên	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức về chuyển đổi số	25/92 (27,2%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho chuyển đổi số	22/92 (23,9%)
		Cải tiến và hoàn thiện phần mềm chuyển đổi số	10/92 (10,9%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	55/166 (33,1%)
		Cần đầu tư trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	45/166 (27,1%)
		Bổ sung cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	30/166 (18,1%)
33	Tuyên Quang	Cần tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số	36/124 (29,0%)
		Cần đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho chuyển đổi số	32/124 (25,8%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	28/124 (22,6%)
34	Vĩnh Long	Cần đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho chuyển đổi số	20/124 (16,1%)
		Cần tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ về chuyển đổi số	18/124 (14,5%)
		Cần có hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể về chuyển đổi số	15/124 (12,1%)

Phụ lục 15
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/102 (5,9%)
		Đại biểu kiêm nhiệm chưa được đào tạo về kỹ năng giám sát	5/102 (4,9%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	4/102 (3,9%)
2	Bắc Ninh	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/99 (12,1%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	10/99 (10,1%)
		Hạn chế về năng lực và chuyên môn	9/99 (9,1%)
3	Cà Mau	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/64 (9,4%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	6/64 (9,4%)
		Hạ tầng công nghệ còn yếu	5/64 (7,8%)
4	TP. Cần Thơ	Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	7/103 (6,8%)
		Cán bộ, công chức chưa có chuyên môn sâu về công tác chuyển đổi số	6/103 (5,8%)
		Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	5/103 (4,9%)
5	Cao Bằng	Thiếu thông tin chuyên môn và cơ chế giám sát phù hợp	10/56 (17,9%)
		Chưa tổ chức giám sát về chuyển đổi số	7/56 (12,5%)
		Trình độ chuyên môn của đại biểu HĐND không đồng đều	6/56 (10,7%)
6	TP. Đà Nẵng	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	16/94 (17,0%)
		HĐND lâm thời mới được thành lập, thiếu kinh nghiệm	10/94 (10,6%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	9/94 (9,6%)
7	Đắk Lắk	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	15/102 (14,7%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	12/102 (11,8%)
		Năng lực chuyên môn và kỹ thuật số của đại biểu HĐND còn hạn chế	10/102 (9,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/45 (13,3%)
		Khó khăn trong giám sát do địa bàn rộng và cơ sở hạ tầng yếu kém	6/45 (13,3%)
		Chưa xây dựng kế hoạch giám sát	5/45 (11,1%)
9	Đồng Nai	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/95 (12,6%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	10/95 (10,5%)
		Thiếu nhân lực	8/95 (8,4%)
10	Đồng Tháp	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	5/102 (4,9%)
		Chưa được tập huấn về công tác giám sát	5/102 (4,9%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	5/102 (4,9%)
11	Gia Lai	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	20/135 (14,8%)
		Kỹ năng, kinh nghiệm về công nghệ thông tin của đại biểu HĐND còn hạn chế	20/135 (14,8%)
		Chưa có hướng dẫn, quy định cụ thể về phương pháp và tiêu chí giám sát	10/135 (7,4%)
12	TP. Hà Nội	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát, chưa có cơ chế giám sát phù hợp	15/126 (11,9%)
		Trình độ, năng lực về chuyển đổi số của cán bộ công chức còn hạn chế	10/126 (7,9%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	9/126 (7,1%)
13	Hà Tĩnh	Thiếu nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất	14/69 (20,3%)
		Trình độ và kỹ năng công nghệ thông tin của đại biểu HĐND còn hạn chế	12/69 (17,4%)
		Cơ cấu đại biểu HĐND chưa đồng đều và thiếu chuyên nghiệp	8/69 (11,6%)
14	TP. Hải Phòng	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	15/113 (13,3%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	10/113 (8,8%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	9/113 (8,0%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	21/168 (12,5%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	15/168 (8,9%)
		HĐND mới thành lập, chưa thực hiện giám sát	14/168 (8,3%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Chưa có hướng dẫn cụ thể	4/40 (10,0%)
		Thiếu chuyên môn và kỹ năng của đại biểu HĐND	4/40 (10,0%)
		Công tác giám sát còn nhiều hạn chế	3/40 (7,5%)
17	Hưng Yên	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	9/104 (8,7%)
		Thiếu kinh phí và nhân lực cho chuyển đổi số	8/104 (7,7%)
		Trình độ và kỹ năng của đại biểu HĐND còn hạn chế	8/104 (7,7%)
18	Khánh Hòa	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/65 (9,2%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	5/65 (7,7%)
		Khó khăn trong công tác chuyển đổi số do thiếu nhân lực chuyên môn	5/65 (7,7%)
19	Lai Châu	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/38 (15,8%)
		Cán bộ tham gia giám sát chưa có nhiều kinh nghiệm	5/38 (13,2%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	4/38 (10,5%)
20	Lâm Đồng	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/124 (9,7%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	8/124 (6,5%)
		Thiếu nguồn nhân lực chuyên môn	7/124 (5,6%)
21	Lạng Sơn	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	8/65 (12,3%)
		Nhân lực về kỹ năng số còn hạn chế	7/65 (10,8%)
		Cán bộ HĐND chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin	6/65 (9,2%)
22	Lào Cai	Thiếu kiến thức và kỹ năng giám sát của đại biểu HĐND	24/99 (24,2%)
		Thiếu nguồn lực tài chính và hạ tầng công nghệ thông tin	20/99 (20,2%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về chuyển đổi số	10/99 (10,1%)
23	Nghệ An	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát, chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	15/130 (11,5%)
		Kỹ năng, kinh nghiệm, sự am hiểu về công tác chuyển đổi số của thành viên các Ban HĐND xã còn hạn chế	10/130 (7,7%)
		Nguồn lực phục vụ giám sát còn hạn chế; kỹ năng năng giám sát chưa đồng đều	9/130 (6,9%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	22/129 (17,1%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	20/129 (15,5%)
		Thiếu nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	18/129 (14,0%)
25	Phú Thọ	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát, chưa có cơ chế giám sát phù hợp	22/148 (14,9%)
		Hạn chế về năng lực chuyên môn của đại biểu HĐND	14/148 (9,5%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	12/148 (8,1%)
26	Quảng Ngãi	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát, chưa có cơ chế giám sát phù hợp	9/96 (9,4%)
		Cán bộ công chức còn thiếu kinh nghiệm để giám sát	7/96 (7,3%)
		Hạ tầng cơ sở phục vụ chuyển đổi số còn hạn chế	6/96 (6,2%)
27	Quảng Ninh	Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	15/54 (27,8%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và thiếu trang thiết bị	14/54 (25,9%)
		Thiếu kiến thức và kỹ năng chuyên môn về công nghệ cho đại biểu HĐND	12/54 (22,2%)
28	Quảng Trị	Thiếu kinh phí để thực hiện	8/78 (10,3%)
		Cán bộ chưa được đào tạo chuyên sâu về chuyển đổi số	7/78 (9,0%)
		Hạ tầng kỹ thuật số chưa đồng bộ	6/78 (7,7%)
29	Sơn La	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	7/74 (9,5%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	6/74 (8,1%)
		Đội ngũ thực hiện giám sát còn thiếu kinh nghiệm và năng lực	5/74 (6,8%)
30	Tây Ninh	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	10/96 (10,4%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	9/96 (9,4%)
		Thiếu chuyên môn chuyên trách để giám sát	7/96 (7,3%)
31	Thái Nguyên	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/92 (13,0%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	10/92 (10,9%)
		Thiếu nhân lực có chuyên môn về chuyển đổi số	6/92 (6,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	22/166 (13,3%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	17/166 (10,2%)
		Chưa được tập huấn về chuyển đổi số	14/166 (8,4%)
33	Tuyên Quang	Thiếu kỹ năng và chuyên môn giám sát	38/124 (30,6%)
		Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	20/124 (16,1%)
		Hạ tầng công nghệ và thiết bị chưa đầy đủ	16/124 (12,9%)
34	Vĩnh Long	Thiếu chuyên môn và kinh nghiệm trong giám sát chuyển đổi số	20/124 (16,1%)
		Đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm, ít thời gian cho giám sát	16/124 (12,9%)
		Thiếu cơ chế giám sát phù hợp	10/124 (8,1%)

Phụ lục 16
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Tập huấn về chuyển đổi số	22/102 (21,6%)
		Cấp kinh phí và trang thiết bị	15/102 (14,7%)
		Giám sát chuyển đổi số	12/102 (11,8%)
2	Bắc Ninh	Tập huấn về chuyển đổi số	20/99 (20,2%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	15/99 (15,2%)
		Hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	12/99 (12,1%)
3	Cà Mau	Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	16/64 (25,0%)
		Tập huấn về chuyển đổi số	13/64 (20,3%)
		Cần cải thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị	10/64 (15,6%)
4	TP. Cần Thơ	Tập huấn về chuyển đổi số	20/103 (19,4%)
		Cần trang bị thiết bị cho HĐND	10/103 (9,7%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	8/103 (7,8%)
5	Cao Bằng	Tập huấn về chuyển đổi số	15/56 (26,8%)
		Hướng dẫn cụ thể từ cấp trên	10/56 (17,9%)
		Cung cấp thông tin và kinh phí cho chuyển đổi số	8/56 (14,3%)
6	TP. Đà Nẵng	Tập huấn về chuyển đổi số	28/94 (29,8%)
		Cấp kinh phí cho chuyển đổi số	15/94 (16,0%)
		Hỗ trợ về cơ sở hạ tầng CNTT	10/94 (10,6%)
7	Đắk Lắk	Bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số	19/102 (18,6%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	18/102 (17,6%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	12/102 (11,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	10/45 (22,2%)
		Mở lớp tập huấn về chuyển đổi số	8/45 (17,8%)
		Cần cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số	6/45 (13,3%)
9	Đồng Nai	Tập huấn về chuyển đổi số	25/95 (26,3%)
		Cần kinh phí cho chuyển đổi số	15/95 (15,8%)
		Phần mềm quản lý đại biểu HĐND	7/95 (7,4%)
10	Đồng Tháp	Tập huấn về chuyển đổi số	20/102 (19,6%)
		Tập huấn cho các Ban HĐND cấp xã	10/102 (9,8%)
		Cần bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	7/102 (6,9%)
11	Gia Lai	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	37/135 (27,4%)
		Cần hỗ trợ kinh phí và nâng cấp hạ tầng CNTT	21/135 (15,6%)
		Đề nghị có hướng dẫn cụ thể về giám sát chuyển đổi số	15/135 (11,1%)
12	TP. Hà Nội	Tập huấn về chuyển đổi số	29/126 (23,0%)
		Cung cấp phần mềm và ứng dụng cho HĐND	10/126 (7,9%)
		Cần có quy định về giám sát chuyển đổi số	7/126 (5,6%)
13	Hà Tĩnh	Cần tăng cường tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức và đại biểu HĐND	16/69 (23,2%)
		Cần đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số	12/69 (17,4%)
		Cần có chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cấp xã, phường	7/69 (10,1%)
14	TP. Hải Phòng	Tăng cường tập huấn về chuyển đổi số	36/113 (31,9%)
		Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	27/113 (23,9%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	22/113 (19,5%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	22/168 (13,1%)
		Cần nâng cấp hạ tầng CNTT	9/168 (5,4%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể về giám sát chuyển đổi số	8/168 (4,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Cần có hướng dẫn cụ thể về công tác giám sát công tác chuyển đổi số	6/40 (15,0%)
		Đề nghị cấp trên tăng cấp kinh phí hỗ trợ chuyển đổi số ở cấp xã	5/40 (12,5%)
		Cần mở lớp tập huấn về kỹ năng giám sát cho đại biểu HĐND phường	5/40 (12,5%)
17	Hưng Yên	Tập huấn và bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số	36/104 (34,6%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	17/104 (16,3%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể cho HĐND	14/104 (13,5%)
18	Khánh Hòa	Tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	10/65 (15,4%)
		Hướng dẫn triển khai thực hiện đồng bộ	6/65 (9,2%)
		Cấp kinh phí cho chuyển đổi số	5/65 (7,7%)
19	Lai Châu	Bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số	9/38 (23,7%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	7/38 (18,4%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	7/38 (18,4%)
20	Lâm Đồng	Tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức về chuyển đổi số	27/124 (21,8%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho HĐND cấp xã	15/124 (12,1%)
		Bố trí kinh phí cho công tác chuyển đổi số	12/124 (9,7%)
21	Lạng Sơn	Tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức về chuyển đổi số	20/65 (30,8%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	6/65 (9,2%)
		Hướng dẫn, hỗ trợ từ cấp trên về chuyển đổi số	6/65 (9,2%)
22	Lào Cai	Tập huấn về chuyển đổi số và giám sát	36/99 (36,4%)
		Cấp kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	25/99 (25,3%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	17/99 (17,2%)
23	Nghệ An	Tập huấn về chuyển đổi số	45/130 (34,6%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	23/130 (17,7%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	15/130 (11,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Tập huấn về chuyển đổi số	45/129 (34,9%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	24/129 (18,6%)
		Bố trí cán bộ chuyên môn về chuyển đổi số	15/129 (11,6%)
25	Phú Thọ	Tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số	38/148 (25,7%)
		Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	25/148 (16,9%)
		Hướng dẫn cụ thể về giám sát chuyển đổi số	20/148 (13,5%)
26	Quảng Ngãi	Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	15/96 (15,6%)
		Tập huấn về chuyển đổi số	14/96 (14,6%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	10/96 (10,4%)
27	Quảng Ninh	Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, đại biểu HĐND	20/54 (37,0%)
		Bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số	9/54 (16,7%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	8/54 (14,8%)
28	Quảng Trị	Bổ sung kinh phí cho công tác chuyển đổi số	15/78 (19,2%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	14/78 (17,9%)
		Bổ sung cán bộ có chuyên môn CNTT	6/78 (7,7%)
29	Sơn La	Tổ chức tập huấn về công tác chuyển đổi số	15/74 (20,3%)
		Kiến nghị về nguồn kinh phí cho công tác chuyển đổi số	7/74 (9,5%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng cho chuyển đổi số	6/74 (8,1%)
30	Tây Ninh	Tập huấn chuyên sâu về công tác chuyển đổi số	10/96 (10,4%)
		Bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	7/96 (7,3%)
		Nâng cao chất lượng đường truyền cho họp trực tuyến	5/96 (5,2%)
31	Thái Nguyên	Tập huấn về chuyển đổi số	15/92 (16,3%)
		Cung cấp trang thiết bị cho chuyển đổi số	8/92 (8,7%)
		Hướng dẫn về giám sát chuyển đổi số	6/92 (6,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Tập huấn về công tác chuyển đổi số	36/166 (21,7%)
		Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	22/166 (13,3%)
		Đề nghị ban hành quy chế mẫu cho hoạt động của HĐND	20/166 (12,0%)
33	Tuyên Quang	Tập huấn kỹ năng giám sát	30/124 (24,2%)
		Tập huấn về chuyển đổi số	28/124 (22,6%)
		Cấp kinh phí cho chuyển đổi số	20/124 (16,1%)
34	Vĩnh Long	Cần mở các lớp tập huấn về chuyển đổi số	12/124 (9,7%)
		Cần bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	10/124 (8,1%)
		Cần hỗ trợ về nguồn lực cho việc thực hiện chuyển đổi số	7/124 (5,6%)

Phụ lục 17
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP ỦY BAN NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Cơ sở vật chất, trang thiết bị hạn chế	18/102 (17,6%)
		Thiếu kinh phí	10/102 (9,8%)
		Hệ thống phần mềm không ổn định	10/102 (9,8%)
2	Bắc Ninh	Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	20/99 (20,2%)
		Hệ thống phần mềm không ổn định, thường xuyên lỗi	18/99 (18,2%)
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị cũ kỹ, không đáp ứng yêu cầu	16/99 (16,2%)
3	Cà Mau	Thiếu kinh phí cho chuyển đổi số	10/64 (15,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu	10/64 (15,6%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	9/64 (14,1%)
4	TP. Cần Thơ	Phần mềm Một cửa điện tử và phần mềm hộ tịch thường bị lỗi	10/103 (9,7%)
		Thiếu nhân lực Công nghệ thông tin và trang thiết bị	9/103 (8,7%)
		Đường truyền internet không ổn định	7/103 (6,8%)
5	Cao Bằng	Thiếu chuyên môn về công nghệ thông tin	15/56 (26,8%)
		Hạ tầng thiết bị chưa đảm bảo	12/56 (21,4%)
		Thiếu kinh phí cho chuyển đổi số	9/56 (16,1%)
6	TP. Đà Nẵng	Hệ thống phần mềm một cửa điện tử gặp lỗi	15/94 (16,0%)
		Thiếu nhân lực chuyên môn về CNTT	11/94 (11,7%)
		Hệ thống quản lý văn bản điều hành không ổn định	10/94 (10,6%)
7	Đắk Lắk	Thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn về CNTT	20/102 (19,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	17/102 (16,7%)
		Kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế	15/102 (14,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Thiếu cán bộ công nghệ thông tin	12/45 (26,7%)
		Hạ tầng công nghệ yếu kém	10/45 (22,2%)
		Khó khăn trong việc thực hiện chuyển đổi số	9/45 (20,0%)
9	Đồng Nai	Hệ thống mạng không ổn định	8/95 (8,4%)
		Thiếu trang thiết bị và nhân lực	7/95 (7,4%)
		Phần mềm gặp lỗi và không đồng bộ	6/95 (6,3%)
10	Đồng Tháp	Hệ thống phần mềm chưa được đồng bộ, chưa có thống nhất chung.	6/102 (5,9%)
		Hệ thống giải quyết TTHC chưa ổn định, còn xảy ra lỗi.	6/102 (5,9%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin.	5/102 (4,9%)
11	Gia Lai	Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	21/135 (15,6%)
		Hệ thống phần mềm thường xuyên bị lỗi, chậm trễ	15/135 (11,1%)
		Nhận thức của người dân về chuyển đổi số còn hạn chế	10/135 (7,4%)
12	TP. Hà Nội	Hệ thống phần mềm gặp lỗi, không ổn định	24/126 (19,0%)
		Thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số	20/126 (15,9%)
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	18/126 (14,3%)
13	Hà Tĩnh	Thiếu nhân lực và kinh phí cho chuyển đổi số	15/69 (21,7%)
		Hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu gặp lỗi	11/69 (15,9%)
		Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ	10/69 (14,5%)
14	TP. Hải Phòng	Thiếu nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	20/114 (17,5%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị cũ, không đồng bộ	18/114 (15,8%)
		Đường truyền internet không ổn định	10/114 (8,8%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Hệ thống phần mềm giải quyết thủ tục hành chính không ổn định	25/168 (14,9%)
		Thiếu nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin	23/168 (13,7%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin cũ, xuống cấp	21/168 (12,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Kinh phí khó khăn và nhân sự chuyên trách CNTT	3/40 (7,5%)
		Hệ thống xử lý hồ sơ không chính xác	2/40 (5,0%)
		Thiếu kho lưu trữ hồ sơ và trang thiết bị	2/40 (5,0%)
17	Hưng Yên	Thiếu nhân lực chuyên môn và cán bộ CNTT	20/104 (19,2%)
		Hệ thống dịch vụ công quốc gia chậm và nghẽn mạng	15/104 (14,4%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị xuống cấp	12/104 (11,5%)
18	Khánh Hòa	Thiếu thiết bị và công nghệ	10/65 (15,4%)
		Hệ thống phần mềm không đồng bộ	9/65 (13,8%)
		Khó khăn trong việc tuyên truyền và phổ cập dịch vụ công trực tuyến	8/65 (12,3%)
19	Lai Châu	Thiếu nhân lực có chuyên môn CNTT	10/38 (26,3%)
		Cơ sở hạ tầng CNTT chưa đồng bộ	9/38 (23,7%)
		Kinh phí hạn chế cho chuyển đổi số	6/38 (15,8%)
20	Lâm Đồng	Thiếu nguồn nhân lực CNTT	20/124 (16,1%)
		Hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ	18/124 (14,5%)
		Thiếu trang thiết bị phục vụ công việc	16/124 (12,9%)
21	Lạng Sơn	Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	15/65 (23,1%)
		Hệ thống DVC quốc gia hoạt động không ổn định	5/65 (7,7%)
		Quy trình giải quyết TTHC quá nhiều bước	5/65 (7,7%)
22	Lào Cai	Thiếu nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số	22/99 (22,2%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và yếu kém	20/99 (20,2%)
		Trình độ dân trí thấp, người dân chưa quen với dịch vụ công trực tuyến	18/99 (18,2%)
23	Nghệ An	Thiếu cán bộ, công chức	16/130 (12,3%)
		Cơ sở vật chất chưa đầy đủ	12/130 (9,2%)
		Kinh phí hạn chế	10/130 (7,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	22/129 (17,1%)
		Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ và yếu kém	20/129 (15,5%)
		Kinh phí cho công tác chuyển đổi số còn hạn chế	17/129 (13,2%)
25	Phú Thọ	Thiếu cán bộ chuyên môn về Công nghệ thông tin	25/148 (16,9%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu kém	20/148 (13,5%)
		Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế	18/148 (12,2%)
26	Quảng Ngãi	Thiếu hạ tầng và trang thiết bị	37/96 (38,5%)
		Thiếu nguồn nhân lực chuyên trách	27/96 (28,1%)
		Khó khăn trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến	21/96 (21,9%)
27	Quảng Ninh	Thiếu nhân lực chuyên môn về CNTT và chuyển đổi số	20/54 (37,0%)
		Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cũ kỹ, không đồng bộ	15/54 (27,8%)
		Khó khăn trong việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin	10/54 (18,5%)
28	Quảng Trị	Thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT, chuyển đổi số	15/78 (19,2%)
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu	14/78 (17,9%)
		Kinh phí cho chuyển đổi số	10/78 (12,8%)
29	Sơn La	Thiếu nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyển đổi số	10/75 (13,3%)
		Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT chưa đáp ứng yêu cầu	9/75 (12,0%)
		Khó khăn trong việc triển khai dịch vụ công trực tuyến do trình độ dân trí thấp	8/75 (10,7%)
30	Tây Ninh	Thiếu nhân lực chuyên môn về CNTT	16/96 (16,7%)
		Hệ thống phần mềm không ổn định	10/96 (10,4%)
		Thiếu kinh phí cho chuyển đổi số	8/96 (8,3%)
31	Thái Nguyên	Thiếu cán bộ chuyên trách CNTT và chuyển đổi số	10/92 (10,9%)
		Hệ thống thông tin giải quyết TTHC không ổn định	8/92 (8,7%)
		Cơ sở hạ tầng CNTT còn hạn chế	7/92 (7,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Thiếu nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	30/166 (18,1%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin còn thiếu và lạc hậu	28/166 (16,9%)
		Kinh phí hạn chế cho chuyển đổi số	25/166 (15,1%)
33	Tuyên Quang	Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	24/124 (19,4%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	20/124 (16,1%)
		Trình độ dân trí và kỹ năng số của người dân còn hạn chế	19/124 (15,3%)
34	Vĩnh Long	Thiếu biên chế và nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	15/124 (12,1%)
		Phần mềm không liên thông và đồng bộ giữa các hệ thống	14/124 (11,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế và thiết bị cũ	10/124 (8,1%)

Phụ lục 18
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP ỦY BAN NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Cần nâng cấp và đồng bộ hệ thống phần mềm	15/102 (14,7%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức	11/102 (10,8%)
		Cần cấp kinh phí cho chuyển đổi số	10/102 (9,8%)
2	Bắc Ninh	Tăng cường tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	20/99 (20,2%)
		Bổ sung biên chế chuyên trách về công nghệ thông tin	15/99 (15,2%)
		Cấp kinh phí cho công tác chuyển đổi số	14/99 (14,1%)
3	Cà Mau	Bổ sung kinh phí nâng cấp hạ tầng	10/64 (15,6%)
		Hỗ trợ thiết bị và tập huấn cho cán bộ	9/64 (14,1%)
		Chuyển đổi số và nâng cấp hệ thống	8/64 (12,5%)
4	TP. Cần Thơ	Thiếu trang thiết bị và cơ sở hạ tầng cho chuyển đổi số	22/103 (21,4%)
		Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	17/103 (16,5%)
		Cần bổ sung kinh phí cho công tác chuyển đổi số	14/103 (13,6%)
5	Cao Bằng	Đào tạo và tập huấn về chuyển đổi số	20/56 (35,7%)
		Cần đầu tư cơ sở hạ tầng và kinh phí	15/56 (26,8%)
		Thiếu nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin	7/56 (12,5%)
6	TP. Đà Nẵng	Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	15/94 (16,0%)
		Cần tập huấn, đào tạo cán bộ về chuyển đổi số	14/94 (14,9%)
		Cần nâng cấp hạ tầng CNTT	12/94 (12,8%)
7	Đắk Lắk	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	23/102 (22,5%)
		Bố trí kinh phí cho công tác chuyển đổi số	18/102 (17,6%)
		Cần nâng cấp trang thiết bị và hạ tầng CNTT	14/102 (13,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị CNTT	10/45 (22,2%)
		Bổ sung biên chế có chuyên môn về lĩnh vực công nghệ thông tin	8/45 (17,8%)
		Tổ chức tập huấn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	7/45 (15,6%)
9	Đồng Nai	Cần nâng cấp hạ tầng và trang thiết bị	20/95 (21,1%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ	15/95 (15,8%)
		Cần bổ sung nhân lực công nghệ thông tin	10/95 (10,5%)
10	Đồng Tháp	Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức	18/102 (17,6%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	12/102 (11,8%)
		Cần bổ sung cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	10/102 (9,8%)
11	Gia Lai	Thiếu nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin	20/135 (14,8%)
		Cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống phần mềm	15/135 (11,1%)
		Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	14/135 (10,4%)
12	TP. Hà Nội	Nâng cấp hệ thống phần mềm	15/126 (11,9%)
		Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức	14/126 (11,1%)
		Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị	13/126 (10,3%)
13	Hà Tĩnh	Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho CNTT	12/69 (17,4%)
		Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ CNTT	11/69 (15,9%)
		Khắc phục hệ thống phần mềm và quy trình TTHC	9/69 (13,0%)
14	TP. Hải Phòng	Tăng cường tập huấn, hướng dẫn cán bộ phụ trách công tác chuyển đổi số thực hiện nhiệm vụ	20/114 (17,5%)
		Bổ sung kinh phí và trang thiết bị cho công tác chuyển đổi số	17/114 (14,9%)
		Nâng cấp chất lượng đường truyền internet và hệ thống CNTT	15/114 (13,2%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần bố trí kinh phí nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	27/168 (16,1%)
		Cần nâng cấp hệ thống phần mềm và khắc phục lỗi	25/168 (14,9%)
		Cần trang bị thiết bị CNTT và đào tạo nhân sự	23/168 (13,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Cần tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ	5/40 (12,5%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	4/40 (10,0%)
		Cần bổ sung cán bộ phụ trách công nghệ thông tin	3/40 (7,5%)
17	Hưng Yên	Cần hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	26/104 (25,0%)
		Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	22/104 (21,2%)
		Nâng cấp hạ tầng CNTT và đường truyền	19/104 (18,3%)
18	Khánh Hòa	Đầu tư hạ tầng CNTT và thiết bị công nghệ thông tin	8/65 (12,3%)
		Cần có lớp bồi dưỡng, đào tạo cho cán bộ về trình độ công nghệ thông tin	5/65 (7,7%)
		Tăng cường kiểm soát chất lượng và độ ổn định của các nền tảng phần mềm	3/65 (4,6%)
19	Lai Châu	Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	10/38 (26,3%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT	8/38 (21,1%)
		Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số	6/38 (15,8%)
20	Lâm Đồng	Tổ chức tập huấn và đào tạo	20/124 (16,1%)
		Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng CNTT	18/124 (14,5%)
		Giải quyết thủ tục hành chính và lỗi hệ thống	15/124 (12,1%)
21	Lạng Sơn	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ	12/65 (18,5%)
		Bổ sung cán bộ công nghệ thông tin	8/65 (12,3%)
		Đề nghị tăng cường kiểm tra đường truyền và kết nối	5/65 (7,7%)
22	Lào Cai	Thiếu trang thiết bị và hạ tầng CNTT	34/99 (34,3%)
		Cần nâng cao kỹ năng và đào tạo cho cán bộ	30/99 (30,3%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách về CNTT	28/99 (28,3%)
23	Nghệ An	Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	20/130 (15,4%)
		Bố trí cán bộ chuyên trách về CNTT	15/130 (11,5%)
		Tổ chức tập huấn cho cán bộ	14/130 (10,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức	26/129 (20,2%)
		Bổ sung nguồn nhân lực CNTT	14/129 (10,9%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	13/129 (10,1%)
25	Phú Thọ	Đề nghị mở các lớp tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	20/148 (13,5%)
		Đề nghị cấp trên hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	15/148 (10,1%)
		Đề nghị nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	12/148 (8,1%)
26	Quảng Ngãi	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị CNTT	30/96 (31,2%)
		Tổ chức tập huấn chuyên môn	22/96 (22,9%)
		Bổ sung nhân lực chuyên trách CNTT	18/96 (18,8%)
27	Quảng Ninh	Tập huấn nâng cao cho cán bộ về chuyển đổi số	16/54 (29,6%)
		Cần bổ sung nhân sự chuyên trách về chuyển đổi số	10/54 (18,5%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	9/54 (16,7%)
28	Quảng Trị	Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	15/78 (19,2%)
		Tăng cường tập huấn cho cán bộ, công chức	14/78 (17,9%)
		Bố trí biên chế tham mưu lĩnh vực chuyển đổi số	10/78 (12,8%)
29	Sơn La	Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức	15/75 (20,0%)
		Bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số	6/75 (8,0%)
		Đề nghị hỗ trợ trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	5/75 (6,7%)
30	Tây Ninh	Cần nâng cấp hạ tầng số và thiết bị CNTT	12/96 (12,5%)
		Cần tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	10/96 (10,4%)
		Cần cải thiện phần mềm dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính	9/96 (9,4%)
31	Thái Nguyên	Đề nghị liên thông giữa hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các hệ thống khác	8/92 (8,7%)
		Cần tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ, công chức về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	8/92 (8,7%)
		Đề nghị đầu tư trang thiết bị, hạ tầng cho công tác chuyển đổi số	7/92 (7,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Hỗ trợ kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết bị	31/166 (18,7%)
		Tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	30/166 (18,1%)
		Cần bố trí cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin	25/166 (15,1%)
33	Tuyên Quang	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ	28/124 (22,6%)
		Cấp kinh phí mua sắm trang thiết bị	17/124 (13,7%)
		Bổ sung nhân lực cho cán bộ công nghệ thông tin	15/124 (12,1%)
34	Vĩnh Long	Thiếu nhân sự chuyên môn về công nghệ thông tin	14/124 (11,3%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	12/124 (9,7%)
		Cần tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	11/124 (8,9%)

Phụ lục 19
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP MẶT TRẬN TỔ QUỐC

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	15/102 (14,7%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/102 (9,8%)
		Trình độ người dân còn hạn chế, thiếu thiết bị CNTT	9/102 (8,8%)
2	Bắc Ninh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/99 (20,2%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	14/99 (14,1%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ và người dân còn hạn chế	12/99 (12,1%)
3	Cà Mau	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	12/64 (18,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	7/64 (10,9%)
		Cán bộ kiêm nhiệm chưa am hiểu công nghệ thông tin	5/64 (7,8%)
4	TP. Cần Thơ	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	21/103 (20,4%)
		Thiếu thiết bị và nguồn nhân lực	9/103 (8,7%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng đều	8/103 (7,8%)
5	Cao Bằng	Trình độ dân trí không đồng đều	12/56 (21,4%)
		Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	10/56 (17,9%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	6/56 (10,7%)
6	TP. Đà Nẵng	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	34/94 (36,2%)
		Thiếu thiết bị công nghệ thông tin	14/94 (14,9%)
		Kinh phí tổ chức tuyên truyền hạn chế	10/94 (10,6%)
7	Đắk Lắk	Thiếu thiết bị công nghệ và internet	37/102 (36,3%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	31/102 (30,4%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	20/102 (19,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Trình độ dân trí không đồng đều	15/45 (33,3%)
		Thiếu cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	10/45 (22,2%)
		Khó khăn trong giao thông và tiếp cận thông tin	9/45 (20,0%)
9	Đồng Nai	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	16/95 (16,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	8/95 (8,4%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	7/95 (7,4%)
10	Đồng Tháp	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	24/102 (23,5%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/102 (9,8%)
		Trình độ người dân thấp, không sử dụng smartphone	9/102 (8,8%)
11	Gia Lai	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	37/135 (27,4%)
		Thiếu thiết bị thông minh và hạ tầng công nghệ	31/135 (23,0%)
		Trình độ dân trí thấp, khó khăn trong tiếp cận thông tin	30/135 (22,2%)
12	TP. Hà Nội	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	18/126 (14,3%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	8/126 (6,3%)
		Trình độ dân trí thấp, khó tiếp cận thông tin	7/126 (5,6%)
13	Hà Tĩnh	Cán bộ Mặt trận và các chi đoàn, chi hội chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin	23/69 (33,3%)
		Một số thủ tục hành chính trực tuyến còn phức tạp, khó thao tác	19/69 (27,5%)
		Nhiều người dân không sử dụng máy điện thoại thông minh, không sử dụng internet	19/69 (27,5%)
14	TP. Hải Phòng	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	34/114 (29,8%)
		Thiếu thiết bị công nghệ và hạ tầng	26/114 (22,8%)
		Trình độ nhận thức và kỹ năng số của người dân còn hạn chế	23/114 (20,2%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	46/168 (27,4%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	12/168 (7,1%)
		Công tác vận động người dân chưa đồng bộ sau sáp nhập	7/168 (4,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	12/40 (30,0%)
		Thiếu điện thoại thông minh	10/40 (25,0%)
		Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn thấp	9/40 (22,5%)
17	Hưng Yên	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	30/104 (28,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	17/104 (16,3%)
		Cán bộ thiếu kỹ năng công nghệ thông tin	15/104 (14,4%)
18	Khánh Hòa	Khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin	15/65 (23,1%)
		Trình độ dân trí và nhận thức về chuyển đổi số còn hạn chế	10/65 (15,4%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở hạ tầng công nghệ	7/65 (10,8%)
19	Lai Châu	Trình độ dân trí không đồng đều	10/38 (26,3%)
		Địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn	8/38 (21,1%)
		Thiếu thiết bị, công nghệ và hạ tầng	7/38 (18,4%)
20	Lâm Đồng	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	22/124 (17,7%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	14/124 (11,3%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	12/124 (9,7%)
21	Lạng Sơn	Trình độ dân trí không đồng đều	18/65 (27,7%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	7/65 (10,8%)
		Hệ thống mạng internet chưa ổn định	6/65 (9,2%)
22	Lào Cai	Trình độ dân trí và kỹ năng công nghệ thông tin hạn chế	36/99 (36,4%)
		Khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ và thiết bị	30/99 (30,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	25/99 (25,3%)
23	Nghệ An	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	24/130 (18,5%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	20/130 (15,4%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/130 (7,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/129 (15,5%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/129 (7,8%)
		Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế	9/129 (7,0%)
25	Phú Thọ	Nhận thức của người dân về chuyển đổi số còn hạn chế	18/148 (12,2%)
		Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	17/148 (11,5%)
		Thiếu trang thiết bị và kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/148 (10,1%)
26	Quảng Ngãi	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	15/96 (15,6%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn về CNTT	8/96 (8,3%)
		Địa bàn rộng, giao thông khó khăn	8/96 (8,3%)
27	Quảng Ninh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	12/54 (22,2%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	8/54 (14,8%)
		Trình độ hiểu biết về CNTT của người dân còn hạn chế	7/54 (13,0%)
28	Quảng Trị	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	24/78 (30,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	14/78 (17,9%)
		Địa bàn rộng, dân số đông, cán bộ ít	12/78 (15,4%)
29	Sơn La	Trình độ dân trí không đồng đều	16/75 (21,3%)
		Khó khăn trong tiếp cận công nghệ thông tin	12/75 (16,0%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị hạn chế	10/75 (13,3%)
30	Tây Ninh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/96 (20,8%)
		Địa bàn rộng, dân cư đông	9/96 (9,4%)
		Thiếu cán bộ và nguồn nhân lực	7/96 (7,3%)
31	Thái Nguyên	Khó khăn trong tiếp cận công nghệ thông tin của người dân lớn tuổi	18/92 (19,6%)
		Thiếu kỹ năng số và thiết bị công nghệ của cán bộ và người dân	16/92 (17,4%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng nhu cầu	15/92 (16,3%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ thông tin	16/166 (9,6%)
		Địa bàn rộng, dân số đông, khó khăn trong công tác vận động	14/166 (8,4%)
		Trình độ dân trí không đồng đều, nhiều người chưa có điện thoại thông minh	14/166 (8,4%)
33	Tuyên Quang	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	35/124 (28,2%)
		Trình độ dân trí thấp, không đồng đều	32/124 (25,8%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế	20/124 (16,1%)
34	Vĩnh Long	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	12/124 (9,7%)
		Thiếu kinh phí tuyên truyền	9/124 (7,3%)
		Trình độ người dân còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ	8/124 (6,5%)

Phụ lục 20
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP MẶT TRẬN TỔ QUỐC

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Tập huấn chuyển đổi số	22/102 (21,6%)
		Nâng cấp trang thiết bị và internet	16/102 (15,7%)
		Bổ sung kinh phí và hỗ trợ	10/102 (9,8%)
2	Bắc Ninh	Cần hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	25/99 (25,3%)
		Cần tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	23/99 (23,2%)
		Cần bổ sung biên chế và nhân lực cho MTTQ	16/99 (16,2%)
3	Cà Mau	Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ và hỗ trợ trang thiết bị	12/64 (18,8%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	6/64 (9,4%)
		Cần trang bị thiết bị công nghệ cho công tác chuyển đổi số	6/64 (9,4%)
4	TP. Cần Thơ	Tập huấn hướng dẫn cho cán bộ	12/103 (11,7%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho chuyển đổi số	8/103 (7,8%)
		Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể	6/103 (5,8%)
5	Cao Bằng	Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	12/56 (21,4%)
		Thiếu biên chế cho cán bộ MTTQ	6/56 (10,7%)
		Cần đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất	5/56 (8,9%)
6	TP. Đà Nẵng	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ và nhân dân	20/94 (21,3%)
		Cần hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho công tác chuyển đổi số	18/94 (19,1%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	14/94 (14,9%)
7	Đắk Lắk	Tập huấn về chuyển đổi số	30/102 (29,4%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	25/102 (24,5%)
		Thiếu kinh phí hoạt động	10/102 (9,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Mở lớp tập huấn về chuyển đổi số và công nghệ thông tin	12/45 (26,7%)
		Hỗ trợ kinh phí và đầu tư cơ sở vật chất	8/45 (17,8%)
		Cần cải thiện hạ tầng viễn thông và internet	7/45 (15,6%)
9	Đồng Nai	Tăng cường tập huấn về chuyển đổi số	10/95 (10,5%)
		Cần trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị	8/95 (8,4%)
		Hỗ trợ về nhân lực và kinh phí cho chuyển đổi số	7/95 (7,4%)
10	Đồng Tháp	Tổ chức tập huấn cho cán bộ Mặt Trận	10/102 (9,8%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí	9/102 (8,8%)
		Xây dựng hệ thống quản lý văn bản	7/102 (6,9%)
11	Gia Lai	Cần tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	34/135 (25,2%)
		Cần đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất	28/135 (20,7%)
		Thiếu biên chế và nhân lực công nghệ thông tin	26/135 (19,3%)
12	TP. Hà Nội	Tăng cường tập huấn về chuyển đổi số	21/126 (16,7%)
		Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	15/126 (11,9%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	10/126 (7,9%)
13	Hà Tĩnh	Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, các tổ chức đoàn thể và MTTQ trong việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người dân về chuyển đổi số	15/69 (21,7%)
		Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến: Rà soát và cải thiện các thủ tục hành chính trực tuyến, cần có sự hỗ trợ 24/7 để giải đáp thắc mắc, hướng dẫn người dân khi họ gặp khó khăn	12/69 (17,4%)
		Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp và thái độ phục vụ người dân cho đội ngũ cán bộ	10/69 (14,5%)
14	TP. Hải Phòng	Tập huấn về chuyển đổi số	36/114 (31,6%)
		Thiếu trang thiết bị công nghệ	20/114 (17,5%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	16/114 (14,0%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ	15/168 (8,9%)
		Cần trang bị thêm máy tính, thiết bị thông minh	7/168 (4,2%)
		Cần nâng cấp hệ thống, đầu tư trang thiết bị	6/168 (3,6%)
16	TP. Huế	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	12/40 (30,0%)
		Cung cấp trang thiết bị và nâng cấp cơ sở hạ tầng	6/40 (15,0%)
		Tuyên truyền về kỹ năng số và công nghệ thông tin	6/40 (15,0%)
17	Hưng Yên	Hỗ trợ trang thiết bị và cơ sở vật chất	20/104 (19,2%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	19/104 (18,3%)
		Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số	14/104 (13,5%)
18	Khánh Hòa	Cần tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	10/65 (15,4%)
		Hỗ trợ trang thiết bị công nghệ cho các Ban công tác Mặt trận	6/65 (9,2%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể từ cấp trên	5/65 (7,7%)
19	Lai Châu	Hỗ trợ nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị	10/38 (26,3%)
		Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	9/38 (23,7%)
		Cung cấp thiết bị công nghệ cho cán bộ và thôn bản	7/38 (18,4%)
20	Lâm Đồng	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ	23/124 (18,5%)
		Cung cấp trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin	20/124 (16,1%)
		Hướng dẫn, văn bản cụ thể về chuyển đổi số	15/124 (12,1%)
21	Lạng Sơn	Tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ	27/65 (41,5%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và hạ tầng cho chuyển đổi số	20/65 (30,8%)
		Tăng cường kinh phí cho công tác tập huấn và tuyên truyền	15/65 (23,1%)
22	Lào Cai	Đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho cán bộ và người dân	35/99 (35,4%)
		Cung cấp trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	30/99 (30,3%)
		Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	20/99 (20,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
23	Nghệ An	Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	36/130 (27,7%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	25/130 (19,2%)
		Cần nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị	21/130 (16,2%)
24	Ninh Bình	Tập huấn về chuyển đổi số	34/129 (26,4%)
		Cung cấp trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	21/129 (16,3%)
		Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động	15/129 (11,6%)
25	Phú Thọ	Tăng cường tập huấn cho cán bộ công chức về chuyển đổi số	31/148 (20,9%)
		Nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị CNTT	24/148 (16,2%)
		Thiếu kinh phí hoạt động cho công tác chuyển đổi số	20/148 (13,5%)
26	Quảng Ngãi	Tập huấn về chuyển đổi số	12/96 (12,5%)
		Cần nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	10/96 (10,4%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	8/96 (8,3%)
27	Quảng Ninh	Tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ và người dân	12/54 (22,2%)
		Cần trang bị cơ sở vật chất và thiết bị công nghệ	8/54 (14,8%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	6/54 (11,1%)
28	Quảng Trị	Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	24/78 (30,8%)
		Cần hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí	20/78 (25,6%)
		Tăng biên chế cán bộ MTTQ cấp xã	7/78 (9,0%)
29	Sơn La	Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	20/75 (26,7%)
		Cần đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất	12/75 (16,0%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	10/75 (13,3%)
30	Tây Ninh	Tập huấn về chuyển đổi số	12/96 (12,5%)
		Cần bổ sung biên chế	5/96 (5,2%)
		Hỗ trợ trang bị thiết bị công nghệ	4/96 (4,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
31	Thái Nguyên	Tập huấn, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho cán bộ	15/92 (16,3%)
		Cải thiện cơ sở hạ tầng, đường truyền internet	8/92 (8,7%)
		Hỗ trợ nguồn lực, thiết bị cho MTTQ cấp xã	7/92 (7,6%)
32	Thanh Hóa	Cần bổ sung cán bộ và biên chế cho MTTQ	20/166 (12,0%)
		Cần trang bị thiết bị và máy tính cho MTTQ	18/166 (10,8%)
		Cần tổ chức tập huấn về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	17/166 (10,2%)
33	Tuyên Quang	Cần mở lớp tập huấn về chuyển đổi số	28/124 (22,6%)
		Đề nghị trang bị thiết bị công nghệ thông tin	22/124 (17,7%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	21/124 (16,9%)
34	Vĩnh Long	Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	13/124 (10,5%)
		Cần bổ sung biên chế cho Mặt trận	6/124 (4,8%)
		Cần cải thiện hệ thống CNTT và trang thiết bị	5/124 (4,0%)

Phụ lục 21
TỈ LỆ HOÀN THÀNH CÁC TIÊU CHÍ Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP

STT	Tỉnh, thành phố	Tỉ lệ hoàn thành Đảng ủy	Tỉ lệ hoàn thành Hội đồng Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Ủy ban Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Mặt trận Tổ quốc
1	An Giang	100%	84,62%	100%	100%
2	Bắc Ninh	100%	92,31%	100%	72,22%
3	Cà Mau	88,89%	92,31%	100%	94,44%
4	Thành phố Cần Thơ	88,89%	92,31%	86,36%	61,11%
5	Cao Bằng	88,89%	76,92%	86,36%	72,22%
6	Thành phố Đà Nẵng	100%	100%	100%	100%
7	Đắk Lắk	77,78%	53,85%	72,73%	55,56%
8	Điện Biên	94,44%	100%	100%	83,33%
9	Đồng Nai	88,89%	76,92%	77,27%	61,11%
10	Đồng Tháp	72,22%	69,23%	90,91%	77,78%
11	Gia Lai	83,33%	76,92%	100%	88,89%
12	Thành phố Hà Nội	66,67%	92,31%	86,36%	61,11%
13	Hà Tĩnh	100%	92,31%	100%	61,11%
14	Thành phố Hải Phòng	100%	100%	100%	100%
15	Thành phố Hồ Chí Minh	83,33%	84,62%	90,91%	61,11%
16	Thành phố Huế	100%	100%	100%	100%
17	Hưng Yên	66,67%	84,62%	81,82%	61,11%
18	Khánh Hòa	100%	92,31%	77,27%	83,33%
19	Lai Châu	88,89%	76,92%	100%	88,89%
20	Lâm Đồng	77,78%	92,31%	77,27%	66,67%
21	Lạng Sơn	94,44%	100%	100%	94,44%

STT	Tỉnh, thành phố	Tỉ lệ hoàn thành Đảng ủy	Tỉ lệ hoàn thành Hội đồng Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Ủy ban Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Mặt trận Tổ quốc
22	Lào Cai	100%	84,62%	86,36%	100%
23	Nghệ An	77,78%	92,31%	100%	66,67%
24	Ninh Bình	94,44%	100%	100%	100%
25	Phú Thọ	100%	100%	100%	100%
26	Quảng Ngãi	94,44%	84,62%	81,82%	77,78%
27	Quảng Ninh	100%	92,31%	100%	83,33%
28	Quảng Trị	88,89%	61,54%	90,91%	83,33%
29	Sơn La	94,44%	92,31%	77,27%	44,44%
30	Tây Ninh	94,44%	100%	100%	88,89%
31	Thái Nguyên	94,44%	84,62%	100%	72,22%
32	Thanh Hóa	100%	84,62%	100%	100%
33	Tuyên Quang	100%	92,31%	100%	94,44%
34	Vĩnh Long	72,22%	69,23%	100%	61,11%

Phụ lục 22
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – ĐẢNG ỦY (30/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	Tỉnh ủy An Giang	Nguồn nhân lực tham gia, hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số còn thiếu, đặc biệt là tại cấp cơ sở
2	Tỉnh ủy Bắc Ninh	Cấp xã chưa ổn định; cán bộ phân công thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của cấp cơ sở còn thiếu và yếu
3	Thành ủy Cần Thơ	Thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT
4	Tỉnh ủy Cao Bằng	Khó khăn về kinh phí dành cho chuyển đổi số, đảm bảo an ninh an toàn, về đào tạo, về nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan TMGV Tỉnh uỷ và cơ sở
5	Tỉnh ủy Đắk Lắk	Khó khăn trong công tác chỉnh lý, số hóa tài liệu lịch sử.
6	Tỉnh ủy Điện Biên	Việc bổ sung hạ tầng kỹ thuật còn khó khăn do bố trí nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030; thiếu nguồn nhân lực chuyên ngành chất lượng cao.
7	Tỉnh ủy Đồng Nai	1. Đối với tài liệu lưu trữ hiện nay các cơ quan, đơn vị đang thực hiện chỉnh lý tài liệu, sau khi thực hiện chỉnh lý tài liệu xong mới thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ theo quy định được. 2. Thiếu các trang thiết bị phục vụ cho việc số hóa (máy tính, máy scan,.. 3. Thiếu nhân lực cho việc thực hiện số hóa tài liệu do các cấp ủy trực thuộc chỉ có biên chế 01 văn thư kiêm lưu trữ.
8	Tỉnh ủy Đồng Tháp	- Kiến nghị Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn quy trình xử lý văn bản điện tử các cấp (tỉnh, xã). - Uỷ quyền việc thay đổi thông tin chứng thư chữ ký sô chuyên dùng công vụ cho cấp tỉnh; - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phần cứng đáp ứng nhu cầu triển khai các hệ thống dùng chung của Trung ương đến cấp tỉnh tránh tình trạng quá tải gây gián đoạn phía người dùng.
9	Tỉnh ủy Gia Lai	- Số hóa tài liệu lưu trữ trong các cơ quan đảng toàn tỉnh; - phần mềm điều hành tác nghiệp của các cơ quan đảng hoạt động chưa ổn định, gây khó khăn gửi nhận liên thông chưa ổn định; - trang thiết bị của các xã, phương chưa hiện đại đồng bộ; - thiết bị BML10 của các xã hoạt động chưa ổn định;
10	Thành ủy Hà Nội	Đội ngũ cán bộ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn thiếu và yếu

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
11	Tỉnh ủy Hà Tĩnh	Cơ chế, chính sách thực hiện các nội dung về triển khai chuyển đổi số còn chưa rõ ràng, hệ thống phần mềm và hạ tầng mạng dùng chung của Trung ương chưa hoàn toàn hoạt động ổn định. Nhân lực về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng chưa đáp ứng về số lượng, chất lượng.
12	Thành ủy Thành phố Hải Phòng	1. Cán bộ làm Chuyển đổi số tại các đơn vị còn thiếu và yếu 2. Trình độ CNTT của cán bộ công chức chưa đáp ứng yếu cầu của Chuyển đổi số, nhất là tại các xã phường 3. Trang thiết bị CNTT chưa đồng bộ, còn thiếu nhất là tại các xã, phường
13	Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	Các Hệ thống thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, các nền tảng dữ liệu dùng chung được Trung ương xây dựng tập trung nên việc triển khai được đồng bộ, thống nhất, tránh lãng phí, tuy nhiên có hạn chế là việc tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung các chức năng phần mềm theo yêu cầu đặc thù, cấp thiết của mỗi địa phương chưa được quan tâm, điều chỉnh kịp thời Hiện nay, nhiều hệ thống phần mềm triển khai tuy nhiên nhân lực làm công tác chuyển đổi số ở phường, xã còn hạn chế nên ảnh hưởng đến tiến độ.
14	Thành ủy Thành phố Huế	Đối với cấp xã, phường: Hiện nay, các vị trí việc làm chưa được xác định rõ ràng (do mới sáp nhập), vì vậy, việc điều hành quản lý công việc qua môi trường mạng còn chồng chéo.
15	Tỉnh ủy Hưng Yên	Cơ chế chính sách, kinh phí đầu tư, hệ thống dùng chung và nhân lực
16	Tỉnh ủy Khánh Hòa	Hiện nay, một số cơ chế, chính sách đặc thù đã được Quốc hội ban hành nhưng cần phải đợi các nghị định và các hướng dẫn thực hiện ở cấp Chính phủ và cấp bộ để địa phương làm căn cứ tổ chức triển khai. - Mức độ sẵn sàng, khả tiếp cận công nghệ và nhu cầu chuyển đổi trạng thái, hình thức, môi trường lao động, sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trong nhân dân và trong cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh chưa cao, nhất là những hoạt động đã hình thành thói quen lâu dài. Việc này là rào cản lớn cho quá trình đưa công nghệ số vào đời sống xã hội, đòi hỏi không chỉ quyết tâm và nỗ lực lớn mà còn cần cả nguồn lực và phương án triển khai phù hợp để tránh hình thức, dàn trải, lãng phí và thiếu hiệu quả. - Nhân lực tại cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh thiếu về số lượng và còn hạn chế về khả năng tiếp cận các công nghệ mới phục vụ công tác tham mưu và tổ chức triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cơ quan, địa phương và trên phạm vi toàn tỉnh. Các cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo tại địa phương cần phải có các chính sách đặc thù của địa phương mới đủ cơ sở pháp lý tổ chức triển khai thực hiện.

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
17	Tỉnh ủy Lâm Đồng	Phần mềm do Trung ương chuyển giao còn lỗi gây khó khăn trong triển khai thực hiện. Một số cơ quan chưa có biên chế công nghệ thông tin nên khó khăn trong tổ chức thực hiện.
18	Tỉnh ủy Lào Cai	- Nhiều nội dung yêu cầu trong báo cáo không phù hợp với báo cáo ngày, việc thống kê mất nhiều thời gian, ví dụ: (1) Tỷ lệ các cuộc họp được cơ quan tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến trên tổng số các cuộc họp đã diễn ra (nếu báo cáo thì phải rà soát toàn bộ các cuộc họp trong tỉnh liên quan đến rất nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương). (2) Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống (đang chờ hướng dẫn của Trung ương, đã tham gia ý kiến vào dự thảo của Trung ương).
19	Tỉnh ủy Nghệ An	Thứ nhất: Việc cụ thể hóa Nghị quyết 57 ở một số ngành, cơ sở còn chậm; chưa hình thành được khung hướng dẫn, tiêu chí chuẩn về chuyển đổi số cấp xã, dẫn đến lúng túng trong triển khai thực hiện. Thứ hai: Một số nhiệm vụ trong kế hoạch hành động của tỉnh còn mang tính khái quát, chưa lượng hóa rõ mục tiêu, chỉ tiêu, thời gian và sản phẩm đầu ra; chưa thể hiện rõ trách nhiệm chủ trì, nguồn lực để thực hiện. Thứ ba: Công tác phân bổ nguồn lực, nhất là kinh phí cho các chương trình, đề án về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số chưa thật sự cụ thể; vẫn còn tình trạng dàn trải, chưa gắn chặt giữa nguồn lực với tiến độ, hiệu quả nhiệm vụ. Thứ tư: Nguồn nhân lực phục vụ cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn thiếu và yếu, đặc biệt là đội ngũ cán bộ có trình độ công nghệ thông tin, nhân lực chuyển đổi số tại cấp xã. Cơ chế thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực này chưa thật sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Thứ năm: Nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số ở một bộ phận cán bộ, công chức, nhất là ở cấp cơ sở, vẫn còn hạn chế; còn tâm lý e ngại, thiếu chủ động trong việc áp dụng công nghệ mới và xử lý công việc trên môi trường số.
20	Tỉnh ủy Ninh Bình	Hạ tầng CNTT chưa đồng đều (cấp xã, phường), phần mềm còn phát sinh nhiều lỗi. Cán bộ CNTT cấp xã phường kiêm nhiệm, chưa đào tạo bài bản.
21	Tỉnh ủy Phú Thọ	Đề nghị UBKTTW sớm cấp tài khoản cho hệ thống quản lý hồ sơ kiểm tra, giám sát để triển khai trên toàn tỉnh;
22	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	(1) Hệ thống điều hành tác nghiệp dùng chung của các cơ quan Đảng triển khai hiện nay có nhiều bất cập như: quy trình xử lý văn bản trên phần mềm chưa thực sự khoa học, chưa tinh gọn, còn nhiều thao tác thừa, dẫn đến tốn thời gian và giảm năng suất làm việc và chưa bảo đảm yêu cầu tái cấu trúc như chỉ đạo

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		của Văn phòng Trung ương Đảng; nhiều lỗi phát sinh chưa rõ nguyên nhân; app không thông báo khi chuyển văn bản đến người xử; App trên iPad đăng nhập thông qua VNeID nên còn nhiều bất cập; hệ thống hoạt động chưa ổn định và thường xuyên gián đoạn truy cập ảnh hưởng hoạt động chung của các cơ quan... Đồng thời, mô hình liên thông nội bộ các tỉnh phải lên Trục liên thông Văn bản quốc gia nên với số lượng văn bản nhiều thường phát sinh lỗi, chậm, khó kiểm tra, giám sát (ví dụ: Đảng ủy cấp xã gửi qua UBND cấp xã phải chạy lên trục Liên thông văn bản quốc gia, vòng qua nhiều nút trung gian). (2) Phần mềm Quản lý tài liệu số hóa lưu trữ do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao chưa hỗ trợ phân quyền theo quy trình khai thác (đăng ký, duyệt khai thác, thống kê, báo cáo…) nên chưa phát huy hết giá trị của tài liệu đã số hóa… (3) Hạ tầng kỹ thuật của một số cơ quan, đơn vị chưa hoàn thiện do trong thời gian ngắn không thể thực hiện mua sắm, đầu tư, nâng cấp; trang thiết bị ở cấp xã nhiều nơi xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu công việc. (4) Thiết bị bảo mật kênh truyền BML hoạt động không ổn định, thường xuyên mất kết nối; bên cạnh đó, ở tỉnh chưa có công cụ để giám sát trạng thái kết nối đường truyền, thiết bị bảo mật kênh truyền của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trên địa bàn nên việc phối hợp, hỗ trợ khắc phục sự cố gặp nhiều khó khăn và tốn nhiều thời gian, nhất là trong các ngày cuối tuần. (5) - Phạm vi địa bàn rộng, đầu mối triển khai nhiều, thời gian triển khai ngắn, nhưng các cơ quan, đơn vị chưa bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ công nghệ thông tin để làm đầu mối tiếp nhận, tham mưu, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin; có nơi đã bố trí, nhưng không có chuyên môn về công nghệ thông tin; bên cạnh đó, hệ thống mật chưa cho phép triển khai các phần mềm hỗ trợ từ xa, nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác triển khai, hướng dẫn, hỗ trợ.
23	Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh	Nguồn nhân lực chuyên trách về Công nghệ thông tin còn thiếu
24	Tỉnh ủy Quảng Trị	Kinh phí cho các tỉnh ủy
25	Tỉnh ủy tỉnh Sơn La	Nhân lực làm về lĩnh vực công nghệ thông tin còn yếu và thiếu, kinh phí đầu tư trang thiết bị cho chuyển đổ số còn ít.
26	Tỉnh ủy Tây Ninh	Số lượng biên chế chưa đủ để hỗ trợ các đơn vị chuyển đổi số, đa số các cơ quan chưa bố trí được cán bộ có trình độ CNTT thực hiện chuyển đổi số, hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm. Chưa có hướng dẫn thực hiện Nghị định số 179/2025/NĐ-CP về việc hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
27	Tỉnh ủy Thái Nguyên	Hạ tầng công nghệ thông tin ở một số đơn vị cơ sở chưa đồng bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nguồn kinh phí đầu tư, duy trì và nâng cấp các hệ thống còn hạn chế. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đồng đều, cần tăng cường tập huấn, bồi dưỡng. Thiếu hướng dẫn kỹ thuật thống nhất từ cấp trên trong quá trình triển khai, vận hành các phần mềm, hệ thống(hệ thống mới nên vừa làm vừa sửa)
28	Tỉnh ủy Thanh Hóa	Cán bộ chuyên trách tại các đảng ủy xã, phường chưa được bố trí; đào tạo chuyên sâu để thực hiện nhiệm vụ
29	Tỉnh ủy Tỉnh Tuyên Quang	nguồn lực
30	Tỉnh ủy Vĩnh Long	Thiết bị công nghệ thông tin cấp xã đa phần cấu hình thấp. Tuy nhiên có bố trí kinh phí để trang bị nhưng chưa đầy đủ

Phụ lục 23
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (32/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	HĐND tỉnh An Giang	- Các phần mềm, nền tảng dữ liệu dùng chưa đảm bảo phục vụ lượng truy cập cao (Văn phòng điện tử, cổng hành chính công trực tuyến, VssID, VNeID,…) - Chất lượng internet ở một số xã, đặc khu chưa đảm bảo. - Nhân sự thực hiện công tác chuyển đổi số ở cấp xã còn nhiều khó khăn. - Tiêu chuẩn trang bị máy tính phục vụ công tác hiện nay chưa theo kịp nhu cầu nhiệm vụ.
2	HĐND tỉnh Bắc Ninh	1. Nâng cấp hệ thống CNTT dùng chung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tránh lỗi khi sử dụng, đường truyền riêng đảm bảo thông suốt đến các xã, phường trên địa bàn tỉnh. 2. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn
3	HĐND Cà Mau	Hạ tầng thiết bị Công nghệ thông tin cần được nâng cấp
4	HĐND Thành phố Cần Thơ	do hạ tầng công nghệ chưa đầu tư đồng bộ
5	HĐND tỉnh Cao Bằng	Kinh phí và nguồn nhân lực
6	HĐND Thành phố Đà Nẵng	Nhiều hệ thống triển khai nhưng chưa tích hợp chung nên khó khăn cho người dùng (chưa đồng nhất gài khoản sử dụng). Chưa có sự hướng dẫn, sự đầu tư trang bị thống nhất về hạ tầng cho các cơ quan.
7	HĐND Tỉnh Đắk Lắk	Thiếu nhân sự chuyên về mảng Công nghệ thông tin, hiện nay chỉ có 01 công chức làm ở vị trí này
8	HĐND Tỉnh Điện Biên	Hệ thống đường truyền internet, trang thiết bị để phục vụ cho triển khai chuyển đổi số.
9	HĐND Tỉnh Đồng Nai	Khó khăn về chính sách và kinh phí thực hiện
10	HĐND tỉnh Đồng Tháp	Chưa đươc tập huấn
11	HĐND tỉnh Gia Lai	Hạ tầng Công nghệ thông tin chưa đồng bộ
12	HĐND Thành phố Hà Nội	Hạ tầng thiết bị công nghệ tại các xã, phường còn cũ. Hệ thống phần mềm dùng chung còn ít. Số lượng nhân sự làm công tác chuyển đổi số còn hạn chế
13	HĐND Hà Tĩnh	\- Hệ thống dùng chung của tỉnh hiện nay: Hiện nay Hội đồng nhân dân tỉnh đang dùng hệ thống dùng chung nội tỉnh (do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quản trị). Hệ thống được kết nối với trục liên thông Quốc gia, tuy nhiên hiện các cơ quan của Quốc hội đã sắp xếp lại nhưng chưa ban hành mã định danh

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		điện tử cho từng cơ quan nên việc gửi nhận, trao đổi thông tin đang gặp nhiều khó khăn (các văn bản thực hiện ký số trên hệ thống xong nhưng lại pahir gửi bản giấy). - Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiện nay còn thiếu. Lực lượng này đồng thời phải tham mưu, giúp việc cho cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, nên khối lượng công việc lớn, khó đảm bảo tính chuyên sâu. Do đó, việc triển khai các hệ thống, ứng dụng từ cấp trên xuống sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là trong khâu vận hành, khai thác và hỗ trợ kỹ thuật. - Hiện nay, việc đào tạo chuyển đổi số, \\Bình dân học vụ số\\ đang được triển khai đồng loạt trên môi trường số, nhưng qua quá trình tham gia nhận thấy có một số chuyên mục, bài giảng chưa sát với thực tế, chưa gắn với nhu cầu của người học; đang mang năng lý thuyết. Đề nghị thời gian tới cơ quan tham mưu cần xây dựng những bài giảng sát hơn, gắn với các đối tượng cần đào tạo. - Kiến nghị Văn phòng Quốc hội sớm triển khai app kỳ họp 2.0 của Quốc hội cho HĐND các tỉnh, tiến tới triển khai cho HĐND các xã, phường trên cả nước
14	HĐND Thành phố Hải Phòng	Thiếu trang thiết bị, phương tiện. Kỹ năng ứng dụng, sử dụng các phần mềm CNTT của một số lãnh đạo, chuyên viên còn có mặt hạn chế.
15	HĐND Thành phố Hồ Chí Minh	Triển khai dự án CNTT phải xin ghi vốn trước trước 1 năm. Năm sau mới được ghi vốn để thực hiện nên việc triển khai chưa được kịp thời
16	HĐND tỉnh Hưng Yên	Hệ thống đường truyền chưa thông suốt, trình độ cán bộ thực hiện còn hạn chế
17	HĐND Khánh Hòa	Hạ tầng cơ sở vật chất; chất lượng nguồn nhân lực
18	HĐND tỉnh Lai Châu	Chưa có nhân lực chuyên trách về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin trong cơ quan đáp ứng nhu cầu, chưa qua đào tạo chuyên sâu...
19	HĐND Lâm Đồng	Tại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, nguồn nhân lực để triển khai chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu để thực hiện công tác chuyển đổi số trong tham mưu giúp việc Đoàn ĐBQH, Thường trực và các ban của HĐND tỉnh.
20	HĐND tỉnh Lạng Sơn	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số
21	HĐND Lào Cai	-Hệ thống máy chủ, đường truyền internet ở một số bộ phận chưa thật sự ổn định, đặc biệt khi tổ chức các kỳ họp trực tuyến có quy mô lớn.

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		Trang thiết bị CNTT phục vụ cho đại biểu (máy tính bảng, phần mềm ứng dụng) chưa được đồng bộ; Chưa có đội ngũ chuyên trách mạnh về công nghệ thông tin tại Văn phòng HĐND để xử lý các sự cố kỹ thuật kịp thời.
22	HĐND Tỉnh Ninh Bình	Khó khăn về hạ tầng, kỹ thuật và kinh phí hoạt động.
23	HĐND tỉnh Phú Thọ	cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền
24	HĐND Quảng Ngãi	- Không có nhân sự có chuyên môn đào tạo về công nghệ thông tin để quản lý vận hành hệ thống họp trực tuyến và xử lý sự cố, kỹ thuật. - Biên chế bố trí để thực hiện nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ quan còn ít (01 nhân sự) chưa đảm bảo so với khối lượng, nhiệm vụ phải thực hiện. - Chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn của Trung ương đối với công tác chuyển đổi số của HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp xã
25	HĐND tỉnh Quảng Ninh	Chưa có cán bộ đáp ứng được yêu cầu công việc về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, hạ tầng trang thiết bị chưa đồng bộ do đó việc đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số còn rất hạn chế. Để tháo gỡ vướng mắc trên, Thường trực HĐND tỉnh đã chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương triển khai 02 nhiệm vụ quan trọng: (1) bổ sung nhân sự có trình độ về công nghệ thông tin trong biên chế được giao của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; (2) cải tạo, sửa chữa Hội trường phục vụ Kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh để đáp ứng yêu cầu phòng họp đồng bộ, hiện đại, gắn với chuyển đổi số toàn diện hoạt động của cơ quan dân cử.
26	HĐND Quảng Trị	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh hiện nay do mới triển khai lại sau quá trình sáp nhập 2 tỉnh nên chưa hoàn thiện, còn xảy ra một số lỗi.
27	HĐND tỉnh Sơn La	Cán bộ, công chức tham mưu chưa được tham dự lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng số đáp ứng nhu cầu công nghệ số, chuyển đổi số; việc đưa phần mềm phòng họp không giấy (Ecabinet) phục vụ kỳ họp của HĐND còn khó khăc các căn cứ pháp lý khi triển khai
28	HĐND tỉnh Tây Ninh	Hạ tầng CNTT chưa đồng bộ: Thiết bị cũ, đường truyền yếu, thiếu trung tâm dữ liệu đạt chuẩn. Phần mềm manh mún: Mỗi đơn vị dùng một hệ thống khác nhau, khó kết nối, liên thông. Thiếu nền tảng dữ liệu dùng chung: Dữ liệu phân tán, trùng lặp, khó chuẩn hóa. Bảo mật, an toàn thông tin: Khó đảm bảo trước các hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi.
29	HĐND Thái Nguyên	Hiện nay cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin chuyên trách phục vụ cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh chưa được chuyên sâu

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
30	HĐND Thanh Hóa	- Quy trình công việc truyền thống ăn sâu: Nhiều thủ tục vẫn yêu cầu văn bản giấy hoặc chữ ký tay, dẫn đến phải làm song song giấy + điện tử. - Quy định pháp lý về chữ ký số, lưu trữ điện tử: Chưa được áp dụng triệt để hoặc chưa đồng bộ giữa các cơ quan. - Khó kết nối, liên thông với hệ thống bên ngoài: Ví dụ liên thông với các cơ quan hành chính khác, bộ ngành trung ương… còn hạn chế.
31	HĐND Tỉnh Tuyên Quang	Nguồn kinh phí ngân sách hằng năm để trang bị phần cứng, phần mềm về công tác bảo mật, an toàn thông tin, phòng chống mã độc… còn hạn chế; Hệ thống công nghệ thông tin dùng chung từ tỉnh đến các xã, phường trên địa bàn tỉnh còn chưa kịp thời đồng bộ Công tác đào tạo, tập huấn, nhất là về công tác an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế
32	HĐND Vĩnh Long	Từ năm 2024 Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã triển khai phần mềm họp không giấy để phục vụ các kỳ họp HĐND, họp Thường trực HĐND, các Ban HĐND, của Văn phòng và chi bộ; Khi triển khai phần mềm họp không giấy đến đại biểu HĐND, một số ít đại biểu còn chưa quen với việc xem tài liệu điện tử trên thiết bị thông minh cũng ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc họp. Mặt khác đại biểu HĐND tỉnh công tác ở nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau nên việc gửi, nhận tài liệu phục vụ đại biểu đôi lúc cũng gặp khó khăn.

Phụ lục 24
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – ỦY BAN NHÂN DÂN (05/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Thủ tục hành chính do các Bộ, ngành quy định thường xuyên được cập nhật điều chỉnh, bãi bỏ, địa phương không kịp cấu hình công bố, công khai trên Hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC với các bước phức tạp và yêu cầu kiểm thử.
2	UBND Lâm Đồng	- Hiện tại, Bộ, ngành, Chính phủ chưa xây dựng mẫu biểu điện tử nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, dẫn tới người dân vẫn phải viết tờ khai thủ công để đính kèm trong thành phần hồ sơ khi nộp trực tuyến. - Về thủ tục phi địa giới hành chính: Chưa có quy định về thời gian luân chuyển hồ sơ, chi phí chuyển hồ sơ.
3	UBND tỉnh Lạng Sơn	1.Quy trình phối hợp nội bộ chưa đồng bộ; Thiếu trang thiết bị số hóa hồ sơ, 2. Vận hành hệ thống liên thông, tài chính đầu tư và giám sát chưa hiệu quả Kiến nghị: hoàn thiện chuẩn nghiệp vụ – quy trình – mẫu kịch bản; đầu tư trang thiết bị kịp thời. xây dựng công cụ giám sát, phản hồi, hỗ trợ người dân nhanh chóng.
4	UBND Tỉnh Nghệ An	Thời gian đầu có vướng mắc đối với các dịch vụ của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã phối hợp cùng các bộ ngành xử lý
5	UBND tỉnh Quảng Ninh	Tại danh mục TTHC theo các phụ lục nhiều TTHC đã được bãi bỏ, nhiều TTHC đã được chuyển giao về cho các cơ quan, đơn vị khác, nhiều TTHC vẫn đang thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện chưa được công bố lại.

Phụ lục 25
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – MẶT TRẬN TỔ QUỐC (30/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	MTTQ tỉnh An Giang	Đã triển khai thực hiện
2	MTTQ tỉnh Bắc Ninh	Đường truyền internet đôi lúc còn chậm
3	MTTQ Cà Mau	Cơ sở vật chất chưa đảm bảo
4	MTTQ tỉnh Cao Bằng	vẫn chưa thống nhất được phương thức họp trực tuyến hợp lý, trang thiết bị còn thiếu
5	MTTQ Thành phố Đà Nẵng	Việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trong điều kiện mới hợp nhất 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh; mặt bằng ứng dụng công nghệ thông tin không đồng đều, thiếu đồng bộ, hệ thống thông tin tác nghiệp chưa ổn định nên có những khó khăn nhất định trọng công tác triển khai thực hiện tại đơn vị
6	MTTQ Tỉnh Đắk Lắk	Đường truyền yếu, trang thiết bị còn thiếu, nhân sự CNTT không có
7	MTTQ Tỉnh Điện Biên	Hệ thống hạ tầng CNTT còn thiếu đồng bộ, chưa được đầu tư thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Trang thiết bị (máy tính, máy chủ, đường truyền) nhiều nơi đã cũ, hiệu năng thấp, không đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới. Mạng Internet tại một số vùng sâu, vùng xa còn yếu, tốc độ chậm, gây gián đoạn khi triển khai các ứng dụng trực tuyến.
8	MTTQ Tỉnh Đồng Nai	Hiên chưa có một hệ thống chung, đồng bộ để triển khai họp trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở, chú yếu sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến thông thường như: Zoom, Google meet, Webex. 'Phụ thuộc vào Hội trường của cấp ủy/UBND hoặc HĐND các xã nên không chủ động được thời gian; - Cơ quan cấp tỉnh không có chuyên viên về công nghệ thông tin nên tổ chức các hoạt động họp trực tuyến là hết sức khó khăn; - Hạ tầng công nghệ còn khó khăn.
9	MTTQ tỉnh Đồng Tháp	Cán bộ ở xã đa số là người mới, nên việc tiếp cận còn hạn chế
10	MTTQ tỉnh Gia Lai	Thiếu trang thiết bị phục vụ họp trực tuyến cho hệ thống mặt trận cấp xã, phường
11	MTTQ Thành phố Hà Nội	Hệ thống họp trực tuyến chưa kết nối trực tiếp đến các xã phường.
12	MTTQ Hà Tĩnh	Hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị kết nối còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến hiện nay

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
13	MTTQ Thành phố Hồ Chí Minh	Hiện nay các đơn vị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường, đặc khu chưa được trang bị hệ thống Hội nghị trực tuyến, phía sử dụng chung với hệ thống của Đảng ủy hoặc Ủy ban nhân dân cùng cấp
14	MTTQ Thành phố Huế	Đề nghị thống nhất về các chỉ tiêu cần báo cáo của cơ quan Đảng và UB MTTW VN
15	MTTQ tỉnh Hưng Yên	Một số cán bộ không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tuổi cao, không có điện thoại thông minh, dẫn đến việc trao đổi thông tin qua các ứng môi trường số không tiếp cận được. Một số cán bộ, công chức, và nhân viên còn thiếu kiến thức, nhận thức về chuyển đổi số, cũng như cách áp dụng công nghệ mới vào công việc,
16	MTTQ Khánh Hòa	Chưa thống nhất chung 1 kênh họp trực tuyến. Sử dụng nhiều kênh họp khó khăn triển khai đến cấp cơ sở như: Zoom, Webex, Cục bưu điện...
17	MTTQ tỉnh Lai Châu	Chất lượng đường truyền Internet: Ở nhiều địa phương, đặc biệt vùng sâu vùng xa, mạng không ổn định gây gián đoạn, hình ảnh và âm thanh kém chất lượng. Thiết bị phần cứng hạn chế: Máy tính, camera, micro, loa không đồng bộ hoặc đã cũ, ảnh hưởng đến khả năng tham gia. Phần mềm, nền tảng họp trực tuyến: Một số phần mềm không tương thích với thiết bị, hoặc bị hạn chế tính năng khi dùng bản miễn phí.
18	MTTQ Lâm Đồng	Nhiều địa phương Cơ sở hạ tầng phục vụ họp trực tuyến chưa đảm bảo để phục hơn 01 cuộc họp trong 01 thời điểm.
19	MTTQ tỉnh Lạng Sơn	Hiện MTTQ tỉnh đã cắt đường truyền Viettel, đang triển khai phương án sử dụng hệ thống trực tuyến của VNPT và triển khai họp qua phần mềm webex theo hướng dẫn của MTTW, việc các đơn vị không đồng nhất phương án trực tuyến dẫn đến kinh phí tốn kém, lúng túng trong việc sử dụng.
20	MTTQ Lào Cai	Một số đơn vị địa phương ở vùng sâu vùng xa do ảnh hưởng thời tiết nên việc kết nối đường truyền còn gặp khó khăn do tín hiệu không đảm bảo.
21	MTTQ Tỉnh Ninh Bình	chát lượng đường truyền, trang thiết bị phục vụ công tác chueyenr đổi số còn hạn chế
22	MTTQ tỉnh Phú Thọ	hạ tầng mạng đang nâng cấp
23	MTTQ Quảng Ngãi	Hiện nay Cơ quan MTTQ Tỉnh có 01 bộ trang thiết bị tại Phòng họp Cơ quan được TW MTTQ triển khai từ nhiều năm trước nhưng hiện nay năm 2025 không triển khai nữa (đường truyền Viettel Polycam), nên phải thường xuyên mượn Hội trường trực tuyến kết nối bằng đường truyền của UBND tỉnh và Tỉnh ủy.

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		Riêng tại Hội trường Cơ quan là chưa có cơ sở vật chất để bố trí trang thiết bị trực tuyến đầy đủ (đã có đề xuất kính xây dựng bố trí lại). Cả cơ sở cũng vậy không có phòng họp trực tuyến riêng bên khối MTTQ phải mượn của UBND, Đảng ủy cùng cấp.
24	MTTQ tỉnh Quảng Ninh	Các cuộc họp trực tuyến quy mô lớn đôi khi còn hạn chế về trao đổi trực tiếp, khó kiểm soát chất lượng đường truyền, ảnh hưởng đến hiệu quả thảo luận. Một số điểm cầu vùng sâu, vùng xa, đường truyền Internet chưa ổn định, trang thiết bị chưa đồng bộ, gây gián đoạn hình ảnh, âm thanh.
25	MTTQ Quảng Trị	Hệ thống trực tuyến thông qua kênh nội bộ đã được Ủy ban TW MTTQ Việt Nam cấp đến nay dừng hoạt động; chỉ có thể tổ chức các cuộc họp trực tuyến qua các phần mềm zoom, googlemeet và webex
26	MTTQ tỉnh Sơn La	- Đường truyền Internet yếu: Ở vùng sâu, vùng xa, tín hiệu không ổn định, gây giật, lag, rớt mạng giữa chừng. - Không đồng bộ thiết bị giữa các đơn vị: Dẫn đến lỗi kết nối hoặc không tương thích, phần mềm chạy tốt ở tỉnh nhưng lỗi ở xã do dùng máy cũ hơn. - Thiếu hướng dẫn sử dụng cụ thể: Không có tài liệu, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên. - Chưa có quy trình kiểm soát nội dung cuộc họp, ghi âm, ghi hình, chia sẻ tài liệu có giới hạn. - Việc áp dụng họp trực tuyến vẫn mang tính \tạm thời\, \bổ sung\ chứ chưa trở thành phương thức họp chính. - Không có công cụ tích hợp để ghi biên bản, chia sẻ tài liệu, lấy ý kiến biểu quyết, lưu trữ nội dung, phải làm lại bằng tay hoặc chép lại sau họp.
27	MTTQ tỉnh Tây Ninh	Chưa có hệ thống trực tuyến riêng. Dùng chung hệ thống Tỉnh uỷ, Uỷ ban
28	MTTQ Thái Nguyên	Trang thiết bị, phần mềm
29	MTTQ Thanh Hóa	Trang thiết bị đầu cuối chưa được đồng bộ; thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật.
30	MTTQ Tỉnh Tuyên Quang	Kinh phí đầu tư cho công tác chuyển đổi số còn khó khăn.